

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Thanh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Ngọc Thanh
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Ngọc Thanh

Mã SV: 1412401070

Lớp: QT1804K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường.
- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường. sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường
- Địa chỉ: 10/75 Kiều Sơn , phường Đăng Lâm , quận Hải An , thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đồng Thị Nga**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 5 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Vũ Thị Ngọc Thanh

ThS. Đồng Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	2
1.1.1. Ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	4
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	4
1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	9
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác	11
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí	13
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	13
1.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính.....	21
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác:	23
1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	24
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.3. Hình thức kế toán tại doanh nghiệp	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG	33
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	33
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.....	34
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	34
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	35
2.1.5. Chế độ, phương pháp và hình thức kế toán áp dụng tại công ty	37

2.2:Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần dầu khí An Thịnh Cường	38
2.2.1: Thực trạng doanh thu bán hàng , cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty CP dầu khí An Thịnh Cường.	38
2.2.1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP dầu khí An Thịnh Cường.....	38
2.2.1.2:Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường	46
2.2.2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lí kinh doanh tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường.....	52
2.2.3: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường	60
2.2.4:Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí khác tại công ty Cổ phần dầu khí An thịnh Cường.	66
2.2.5: Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường	67
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG	76
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG.....	76
3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường.....	76
3.1.2 Nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường.....	77
3.2: MỘT SỐ GIẢI PHÁP	78
3.2.1: Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	78
3.2.2: Giải pháp 2: Thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi	79
3.2.3 Giải pháp 3: Áp dụng phần mềm kế toán.	82
KẾT LUẬN	84

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu sự tác động của các quy luật: quy luật giá trị; quy luật cung cầu; quy luật cạnh tranh... Các doanh nghiệp luôn đương đầu với bài toán sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã phải đẹp mà giá sản phẩm thì phải rẻ, phù hợp với túi tiền của người tiêu dùng mà vẫn đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Để đạt được điều đó doanh nghiệp cần phải tổ chức và quản lý tốt công tác hạch toán kế toán đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bởi nó cho ta biết quá trình tiêu thụ sản phẩm, chi phí trong quá trình kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp đạt được.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, sau một thời gian tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Thịnh Cường, kết hợp với những kiến thức đã tích lũy được trên giảng đường cùng sự hướng dẫn của Thạc sĩ Đồng Thị Nga, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường**"

Ngoài phần mở đầu và kết luận nội dung bài khóa luận của em gồm 03 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường .

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường .

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường.

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên khóa luận sẽ không tránh khỏi sai sót. Do vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn sinh viên để hoàn thiện bài khóa luận của mình hơn.

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1. Ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng với nhà quản lý doanh nghiệp mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

✓ Đối với doanh nghiệp:

Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

✓ Đối với nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.

Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp,

các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

✓ Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

✓ Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

✓ Đối với các trung gian tài chính:

Đối với ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

✓ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:

Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

✓ Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

✓ Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

✓ Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

❖ Nhiệm vụ của kế toán chi phí

✓ Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán

chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

✓ Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

✓ Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

❖ **Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh**

✓ Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kì.

✓ Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.

✓ Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ **Khái niệm**

✓ **Doanh thu** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong thời kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán(nếu có).

❖ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

✓ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Nguyên tắc hạch toán doanh thu

✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

✓ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

✓ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

✓ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

✓ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

✓ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

✓ Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

❖ *Các phương thức bán hàng*

✓ *Phương thức bán hàng trực tiếp*: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

✓ *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, DN gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở của thỏa thuận trong hợp đồng mua bán giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm đã quy ước trong hợp đồng. Khi xuất kho gửi đi, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi ấy doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về hàng hóa và có doanh thu bán hàng.

✓ *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✓ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm. Phương thức bán hàng trả góp thường được áp dụng trong các doanh nghiệp bán các loại hàng hóa có giá trị lớn như máy móc.

❖ *Tài khoản sử dụng*

✓ **TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”** dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kì kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 – Doanh thu khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

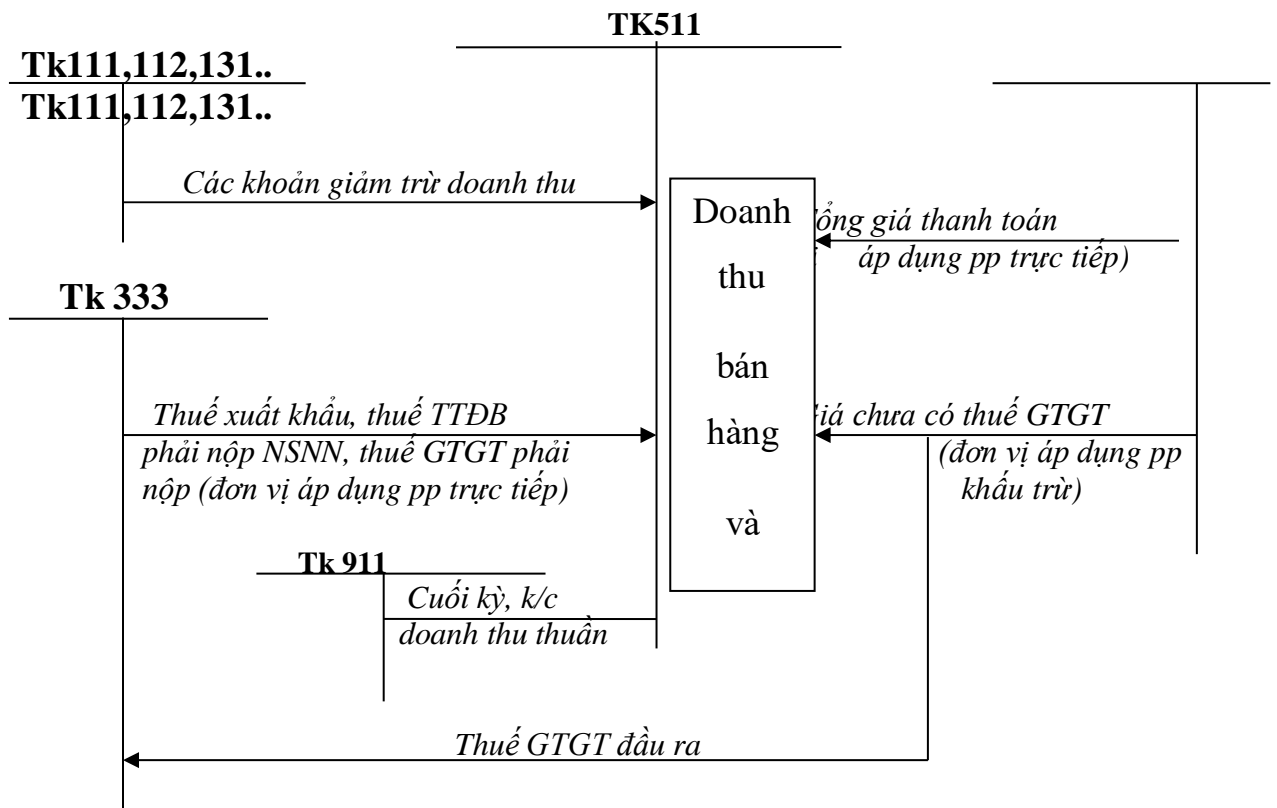
- ✓ Hóa đơn GTGT (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- ✓ Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- ✓ Bảng kê hàng gửi bán đã tiêu thụ, phiếu xuất kho, chứng từ chuyển hàng
- ✓ Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng
- ✓ Các loại sổ: sổ chi tiết TK511; sổ cái TK511; sổ tổng hợp TK511
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Kết cấu tài khoản**

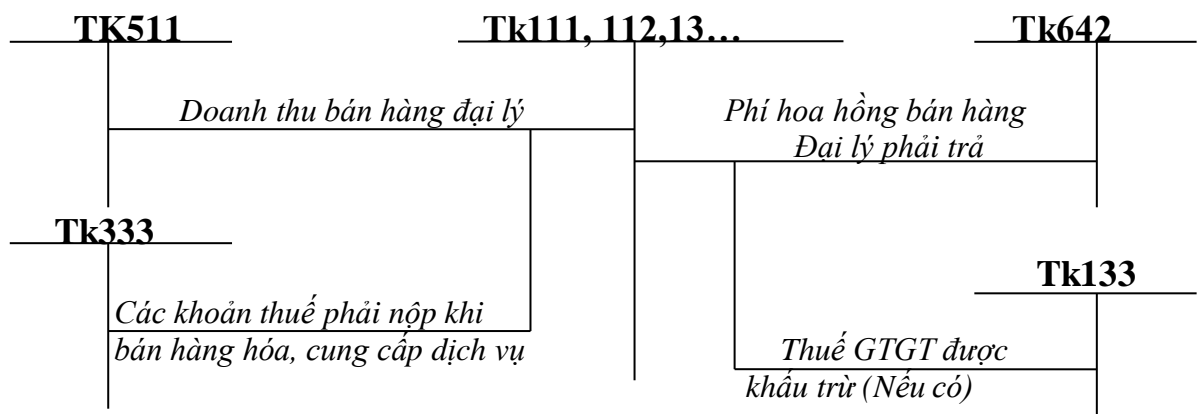
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư.

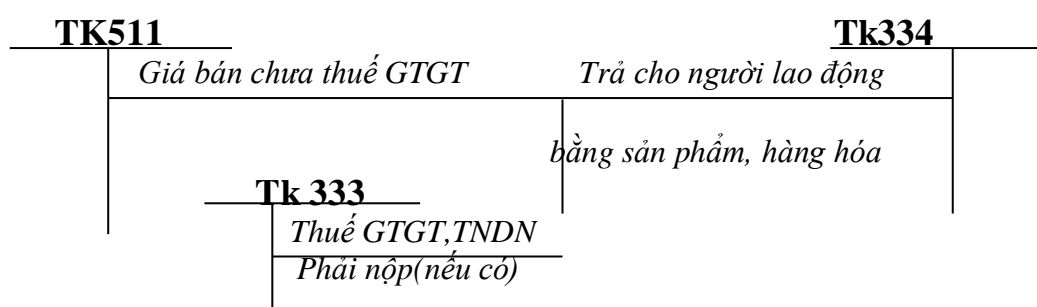
❖ Phương pháp hạch toán



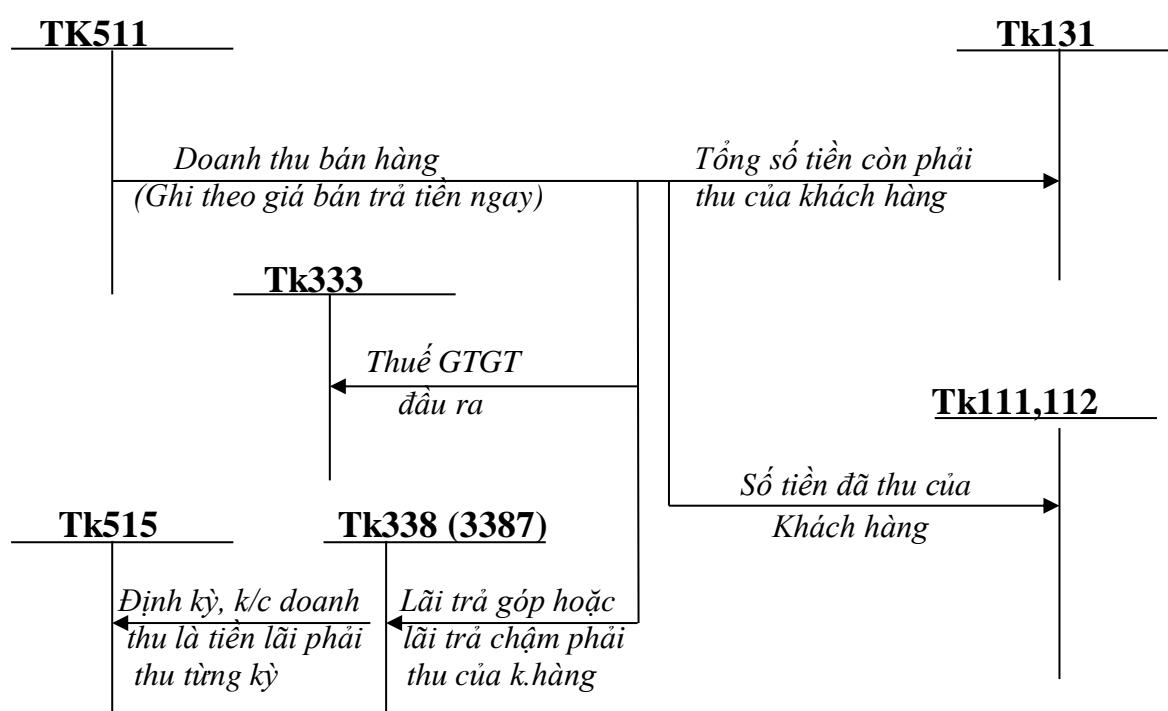
Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả lương



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp

1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ, giấy báo có

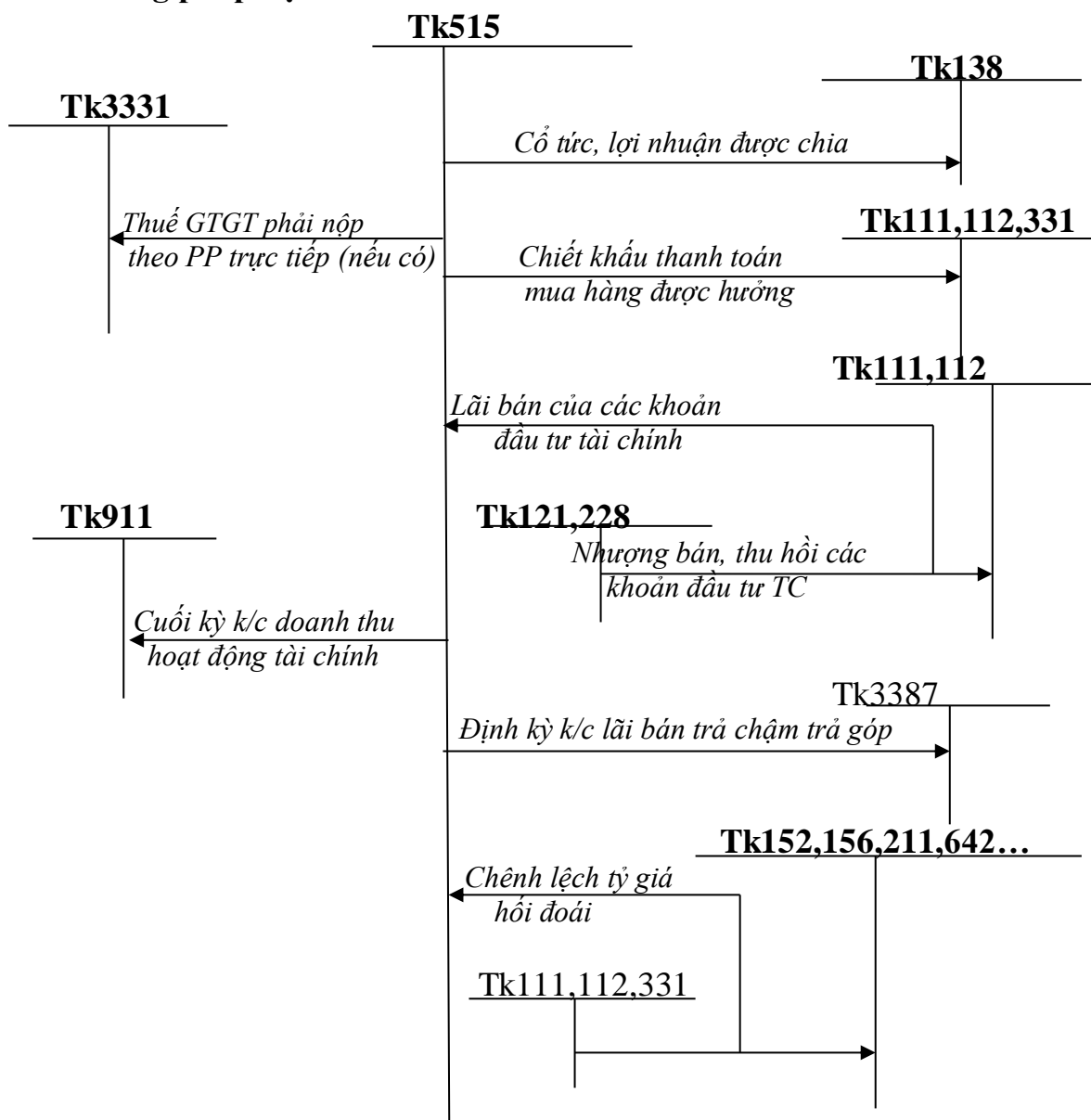
✓ Các chứng từ khác liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

❖ Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp:

Thu nhập khác: Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- ✓ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- ✓ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- ✓ Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

- ✓ Thu các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- ✓ Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- ✓ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- ✓ Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng
- ✓ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có.....
 - ✓ Các chứng từ liên quan: Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ, biên bản góp vốn kinh doanh...
 - ✓ Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

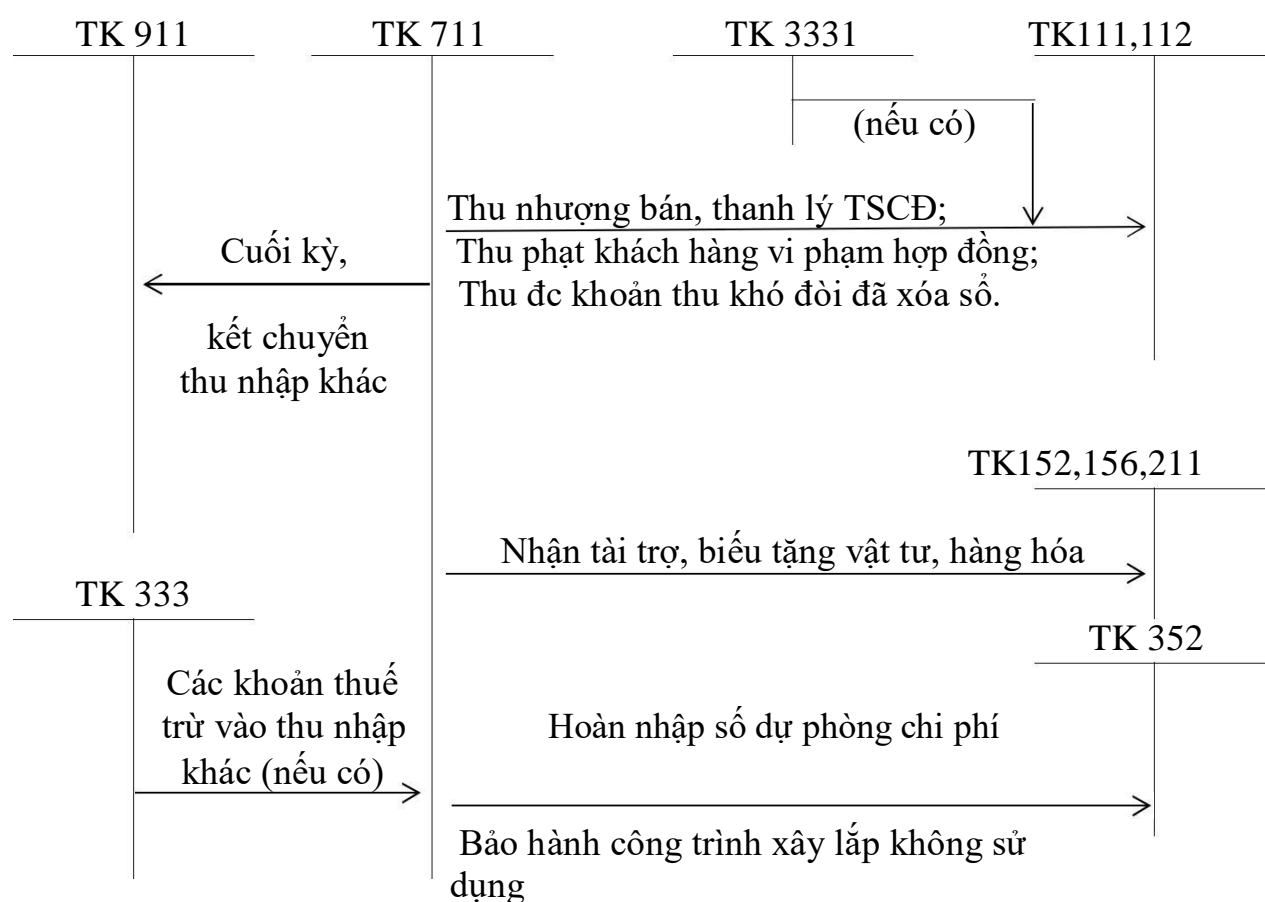
TK 711 “Thu nhập khác”- Dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp(Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng...)

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 711	Có
-Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo pp trực tiếp -Cuối kỳ, kết chuyển các khoản phát sinh trong kỳ vào TK 911		-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ(Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;...)
Tổng SPS giảm		Tổng SPS tăng

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hoạch toán**



Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác

1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Khái niệm**

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:**

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 3 phương pháp sau:

✓ **Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

-Ưu điểm: Tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

-Nhược điểm: Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

-Ưu điểm: tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

-Nhược điểm: Đòi hỏi điều kiện khắt khe, những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới áp dụng được phương pháp này.

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Với phương pháp này có 2 cách tính đơn giá vốn hàng xuất kho:

- Bình quân gia quyền cả kỳ: là phương pháp tính giá vốn hàng hóa xuất bán cuối kì trên cơ sở tính giá bình quân cả kì kinh doanh

$$\text{Đơn giá BQGQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

-Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ.

-Nhược điểm: Số liệu không cập nhập, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới tiến độ các phần hành khác; phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

• Bình quân gia quyền liên hoàn: trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó

$$\begin{array}{r} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho lần thứ } i \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Trị giá hàng hóa vật tư} \\ \text{tồn trước lần nhập thứ } i \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá vật tư hàng hóa} \\ \text{nhập lần thứ } i \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa tồn trước lần nhập} \\ \text{thứ } i \end{array} + \begin{array}{r} \text{Số lượng vật tư hàng hóa} \\ \text{nhập lần thứ } i \end{array}}$$

-Ưu điểm: Khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kì.

-Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn sức.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ có liên quan

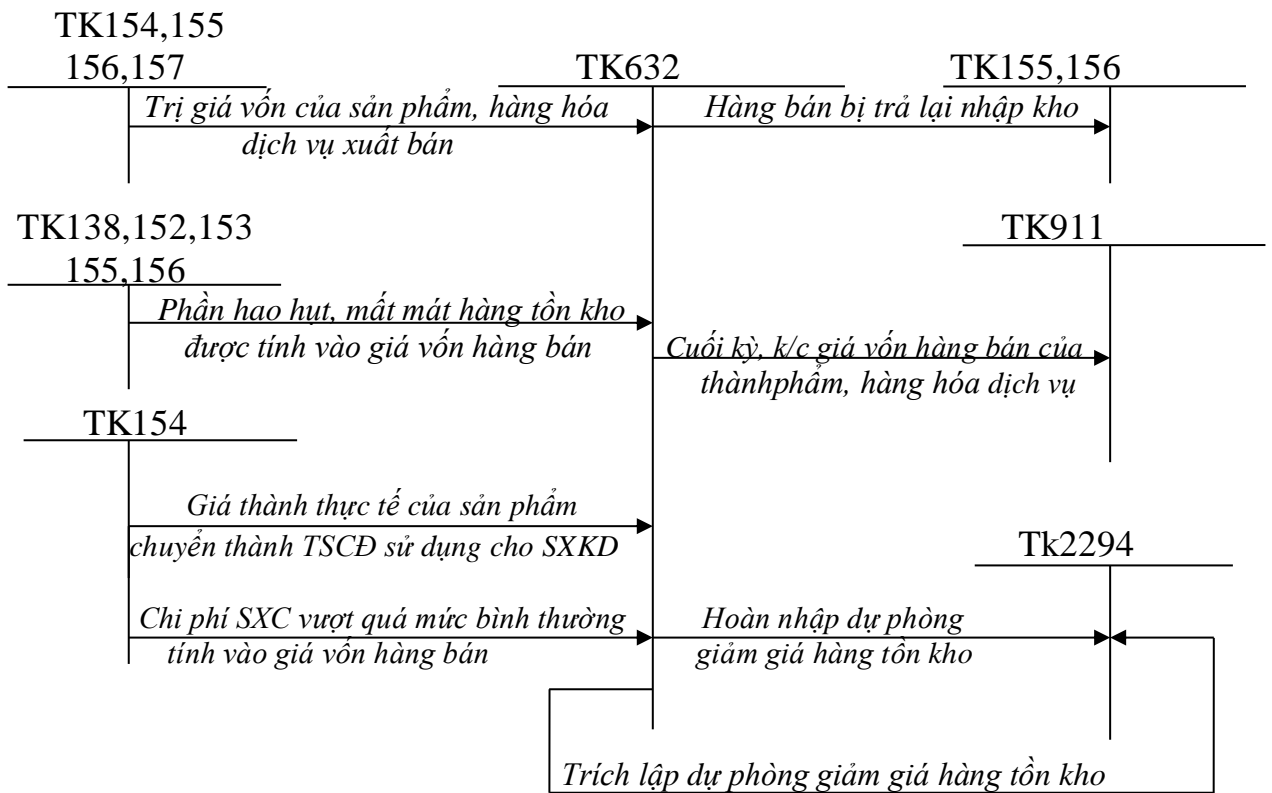
❖ **Tài khoản sử dụng: TK 632 “ Giá vốn hàng bán”** dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp(đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa;...

❖ **Kết cấu tài khoản:**

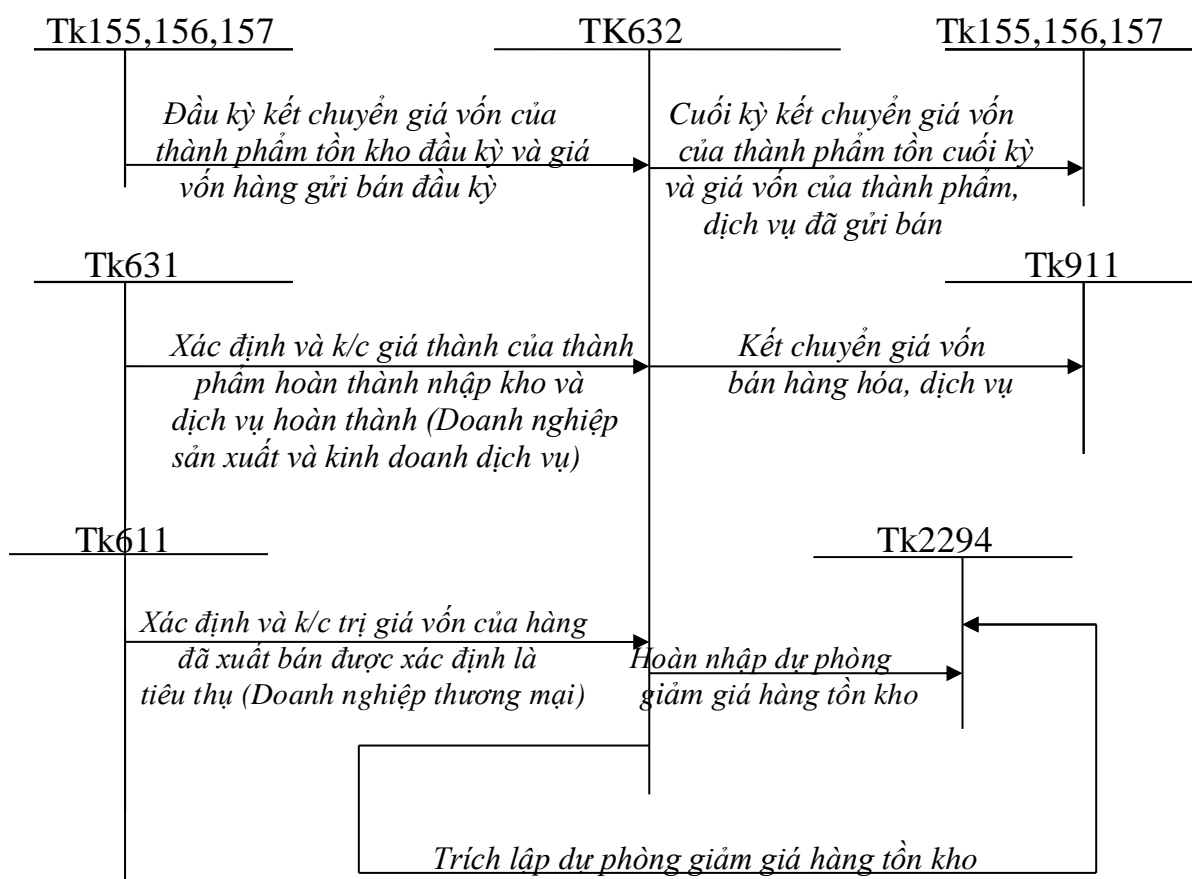
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có	

Tài khoản 632 không có số dư

❖ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.7: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.8 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ

1.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

❖ Khái niệm:

Gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ **Chi phí bán hàng:** là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; Chi phí vật liệu bao bì; Chi phí dụng cụ bao bì; Chi phí dụng cụ đồ dùng; Chi phí khấu hao TSCĐ;...

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên: bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, tiền điện nước, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị....)

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ
- ✓ Các chứng từ gốc có liên quan: Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Phiếu chi, Phiếu kế toán...

❖ **Tài khoản sử dụng: TK642 “Chi phí quản lý kinh doanh”** Dùng để phản ánh các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh doanh nghiệp.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

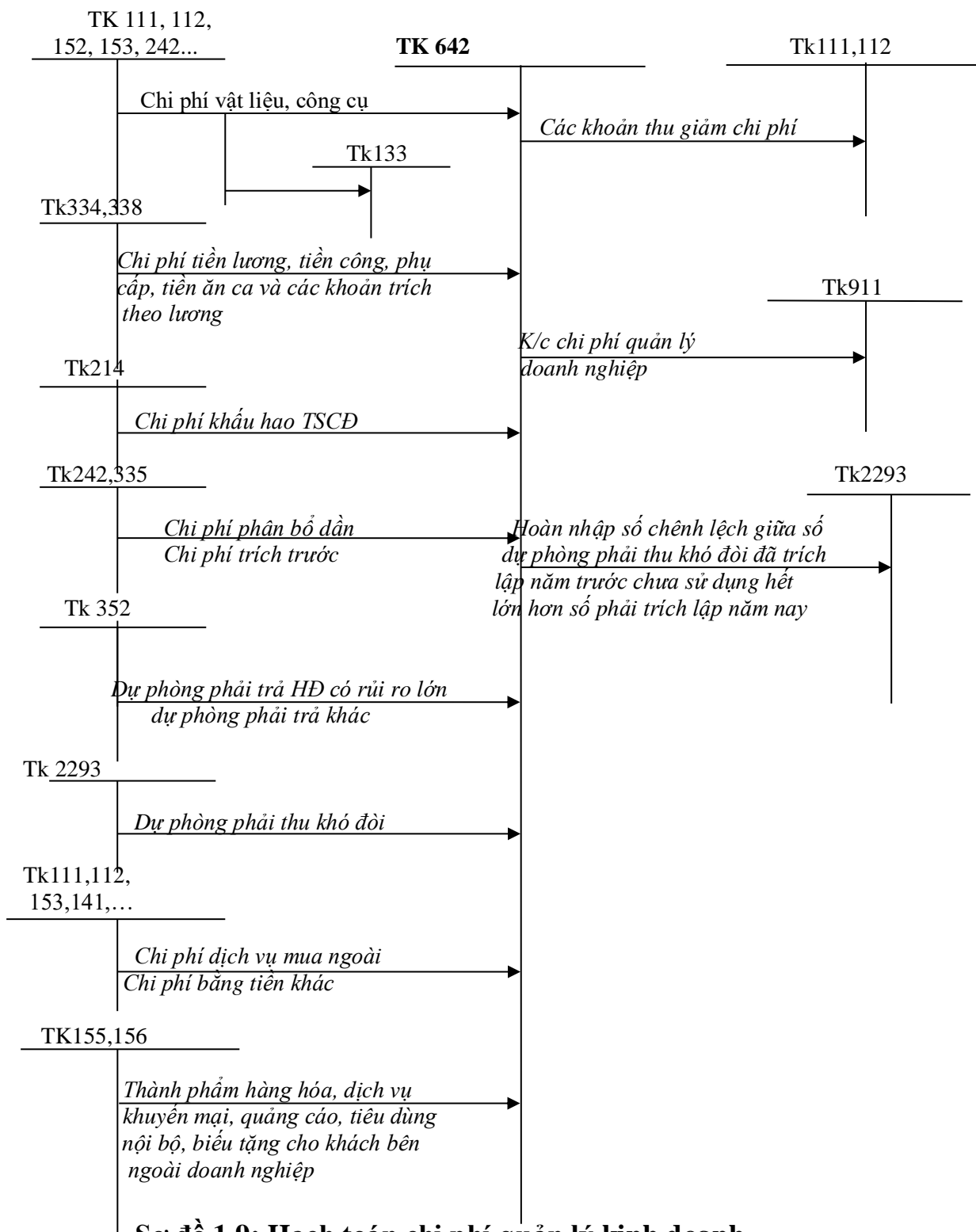
- TK 6421 - Chi phí bán hàng
- TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK642	Có
-Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.	-Các tài khoản ghi giảm chi phí kinh doanh. -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. -Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "xác định kết quả kinh doanh".	
Tổng SPS tăng		Tổng SPS giảm

Tài khoản 642 không có số dư.

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

❖ **Khái niệm:** là những khoản chi phí có liên quan đến các hoạt động tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán..

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Giấy báo nợ, báo có của ngân hàng.
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng.
- ✓ Sổ chi tiết tài khoản 635: chi phí tài chính.
- ✓ Phiếu chi và các chứng từ có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 635- Chi phí tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán; lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ;...

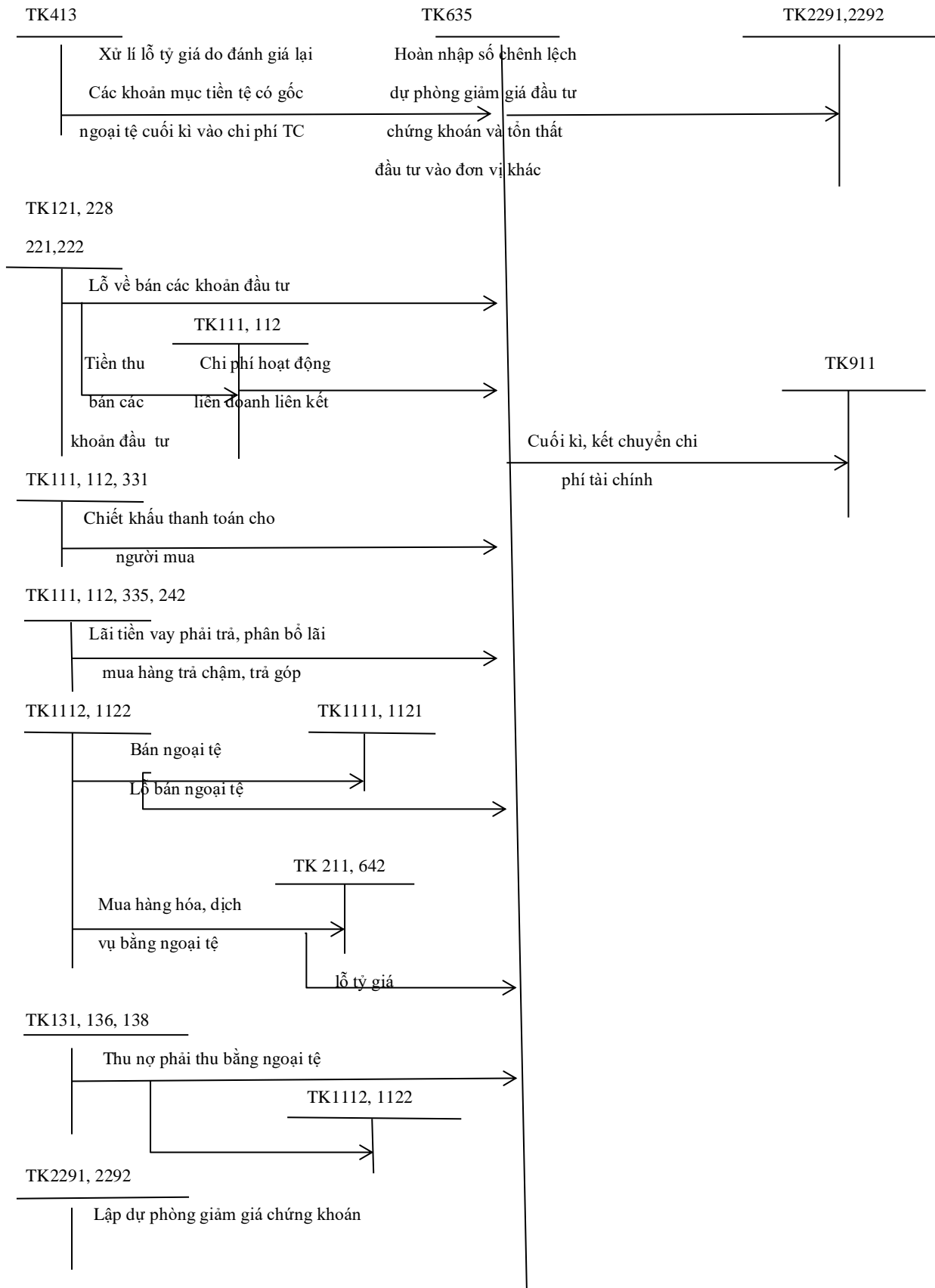
❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 635
-Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ (lãi tiền vay; lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm) -Trích lập dự phòng bổ sung giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.	-Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. -Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. -Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ CPTC phát sinh trong kỳ sang TK 911
Tổng SPS tăng	Tổng SPS giảm

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10. Kế toán chi phí hđ tài chính



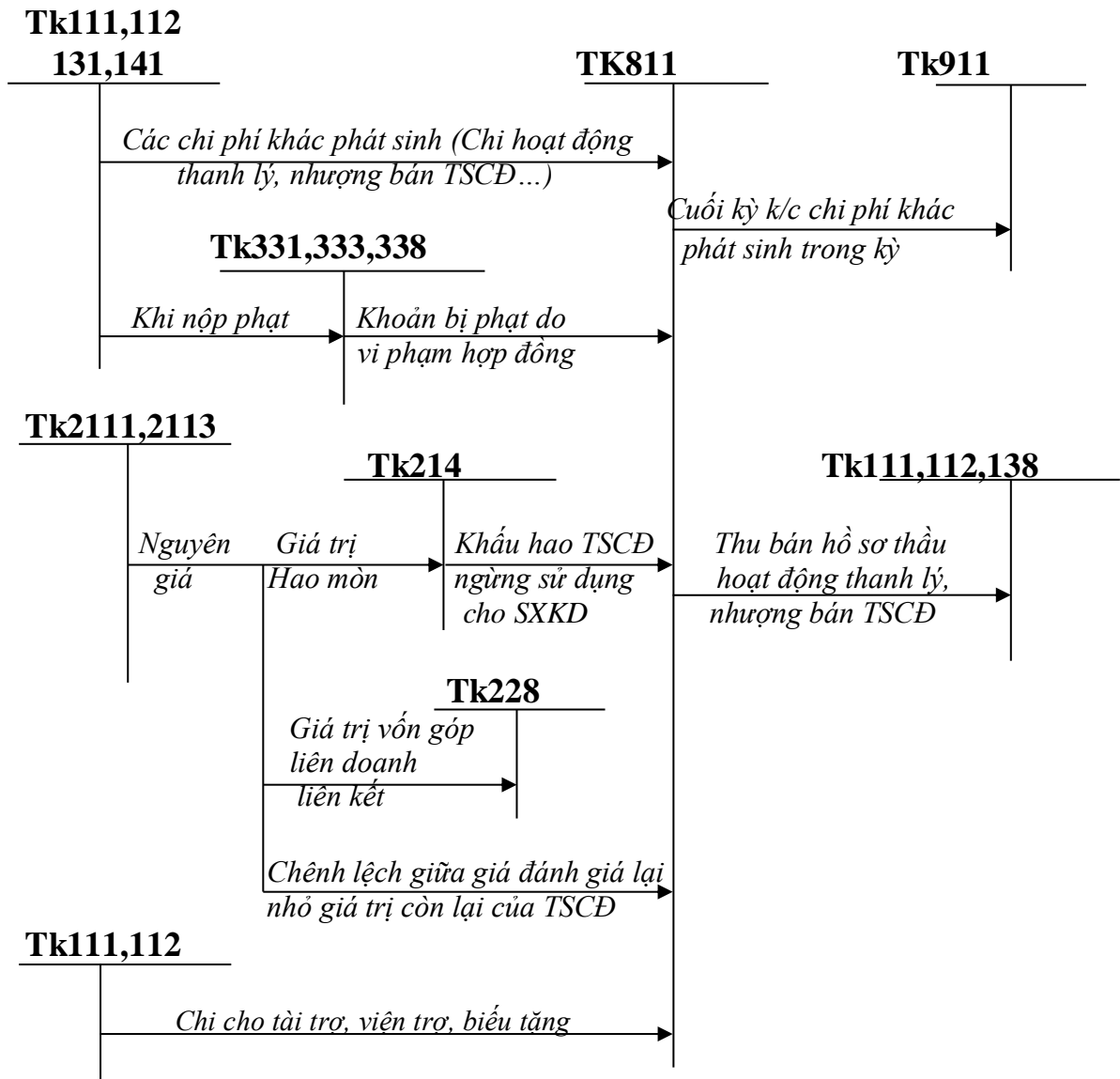
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác:

- ❖ **Khái niệm:** là các khoản chi phí và các khoản lỗ, sự kiện, nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính thường xuyên, bao gồm: chi phí nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán(nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt thuế...
- ❖ **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu thu, phiếu chi.
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
 - Biên bản góp vốn kinh doanh.
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ **Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”:** Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp(Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính; Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;...)
- ❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong tài khoản TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác

1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- ❖ **Khái niệm:** là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp.
- ❖ **Tài khoản sử dụng: TK821: “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”:** Dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.
- ❖ **Chứng từ sử dụng:**
 - ✓ Phiếu kế toán
 - ✓ Tờ khai thuế GTGT, bảng khai thuế TNDN
 - ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

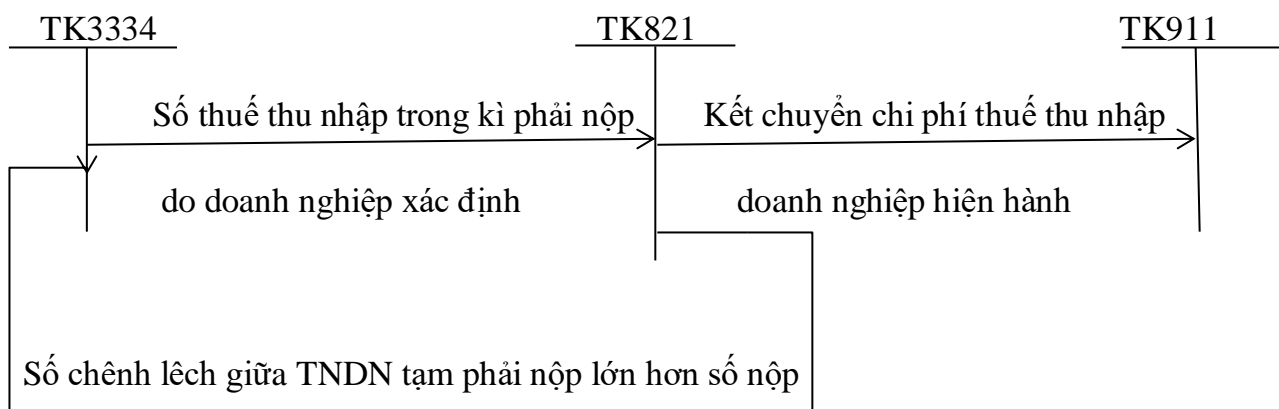
✓ Các chứng từ liên quan khác.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 821 không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Phương thức hạch toán**



Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Khái niệm:** Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hoặc lỗ.

✓ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:* Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ hoạt} & & \text{bán hàng} & & & & & & \\ \text{động sản xuất} & = & \text{và cung cấp} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{hàng bán} & - & \text{quản lý} \\ \text{kinh doanh} & & \text{dịch vụ} & & \text{doanh thu} & & & & \text{kinh doanh} \end{array}$$

✓ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

✓ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

✓ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước thuế} & = & \text{động SXKD} & + & \text{động tài chính} & + & \text{khác} \end{array}$$

✓ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{trước thuế}} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

✓ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận sau} & & \text{Tổng lợi nhuận} & & & & & & \\ \text{thuế TNDN} & = & \text{kế toán trước thuế} & - & \text{Thuế TNDN phải nộp} \end{array}$$

❖ **Chứng từ sử dụng:**

✓ Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**: Dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

✓ **Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”**: Dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi

nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

TK421 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

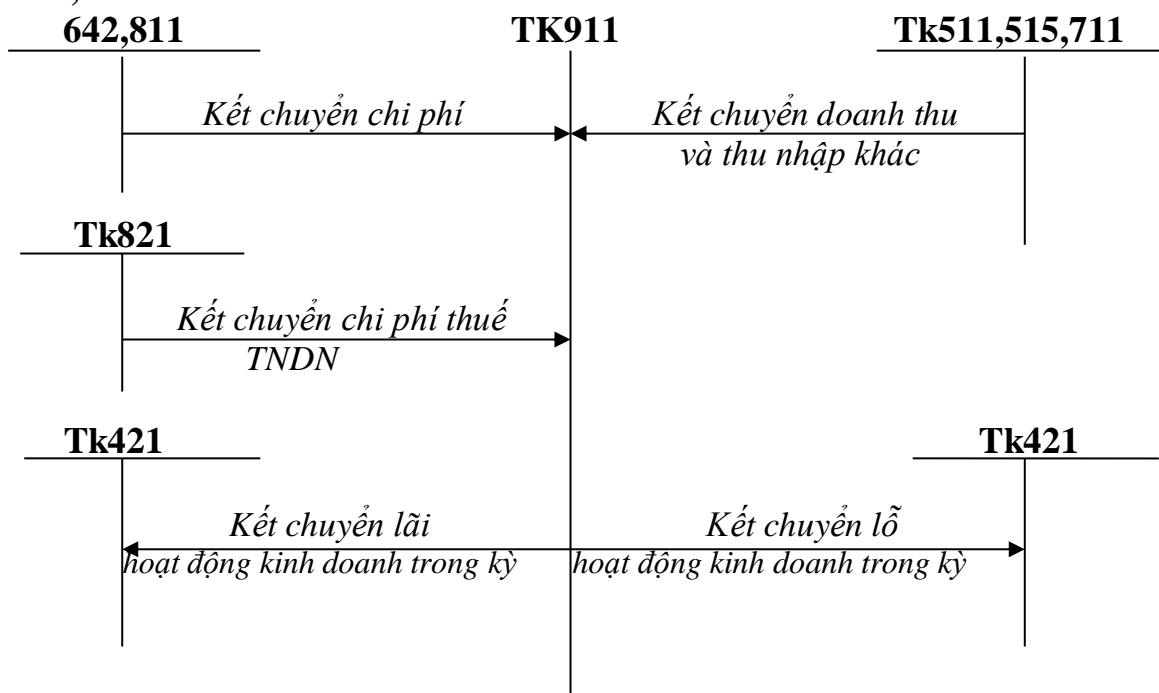
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư.

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> -Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. -Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. -Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. -Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. -Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> -Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. -Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù. -Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

❖ Phương pháp hạch toán:

Tk632,635



Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

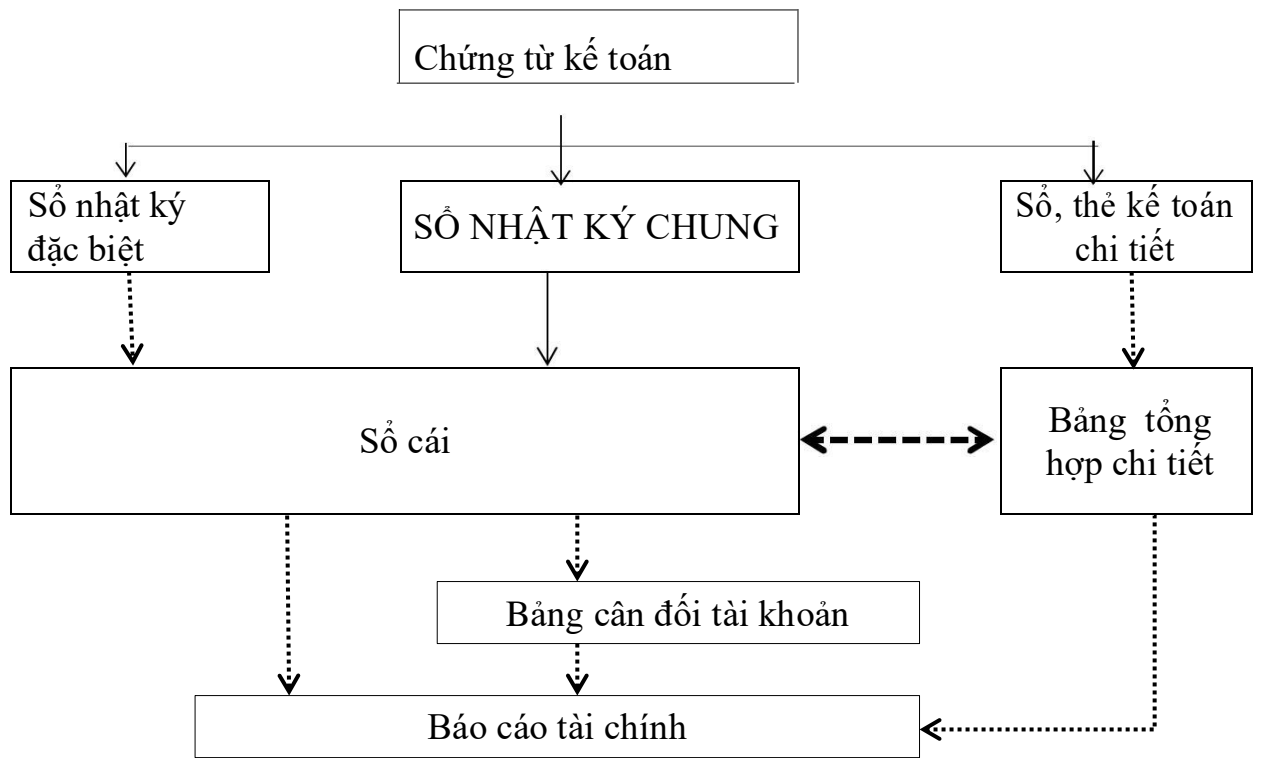
1.3. Hình thức kế toán tại doanh nghiệp

Theo khoản 1 phụ lục 4 thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính (thay thế QĐ 48/2006), hình thức sổ kế toán bao gồm các hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán máy.

Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

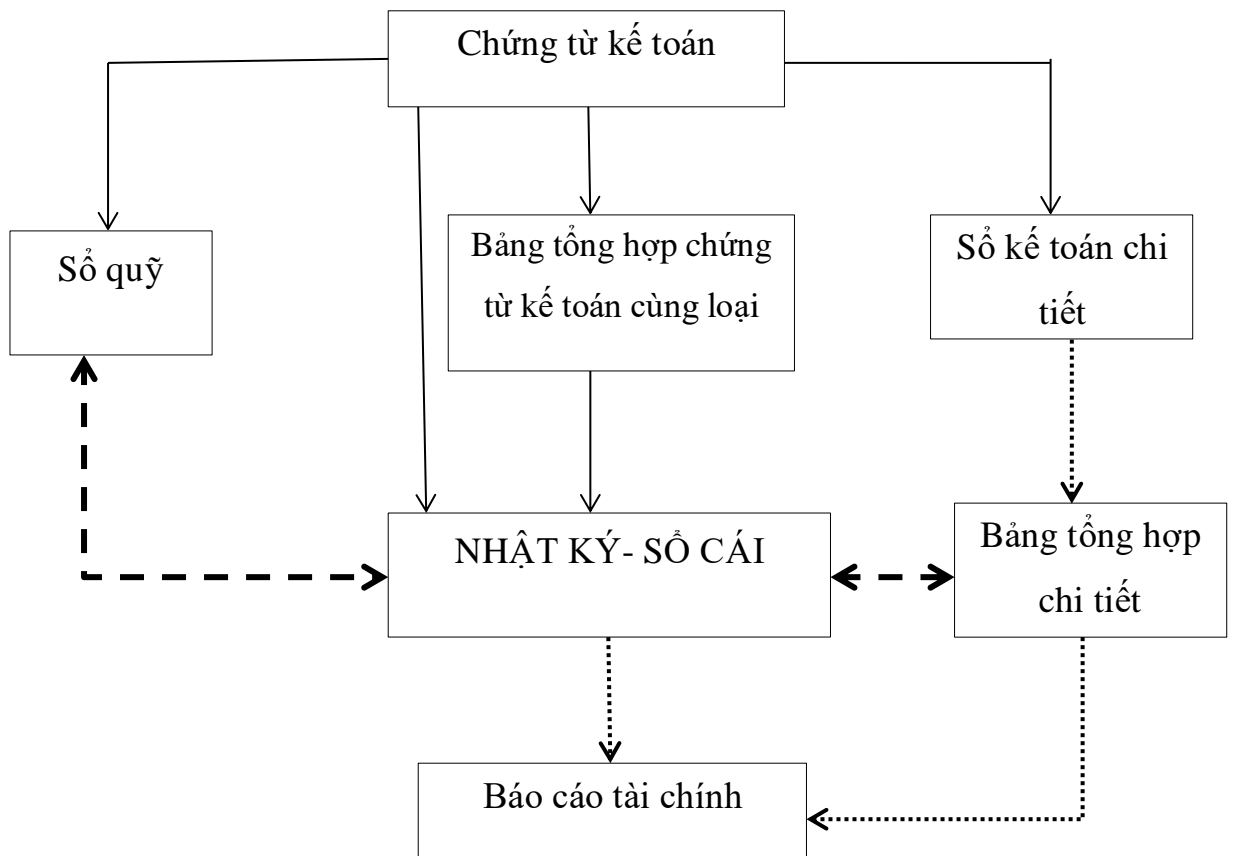


Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————>
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:>
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <--- -- -->

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

- Ghi chú: Ghi hàng ngày: →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔



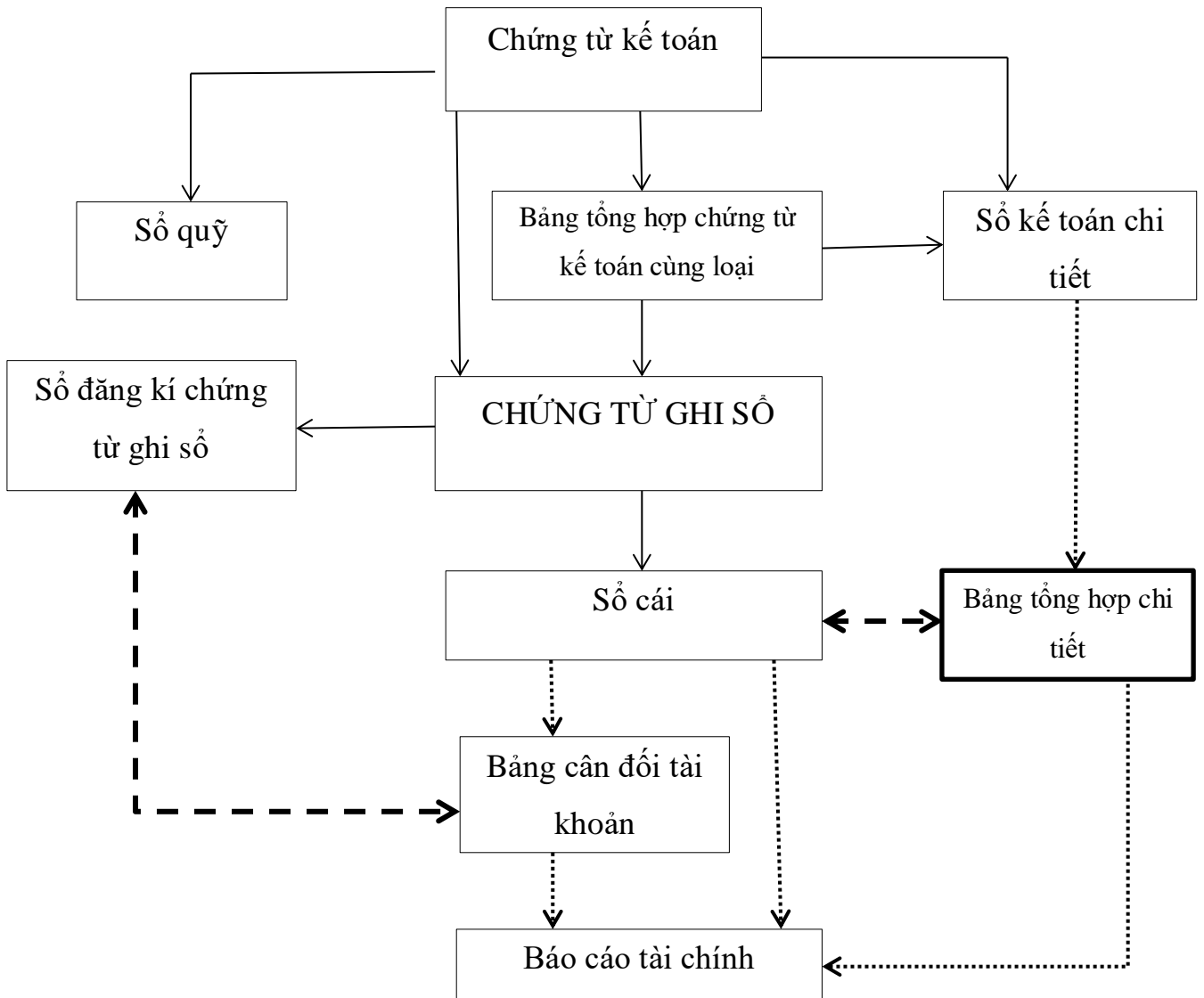
Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:>

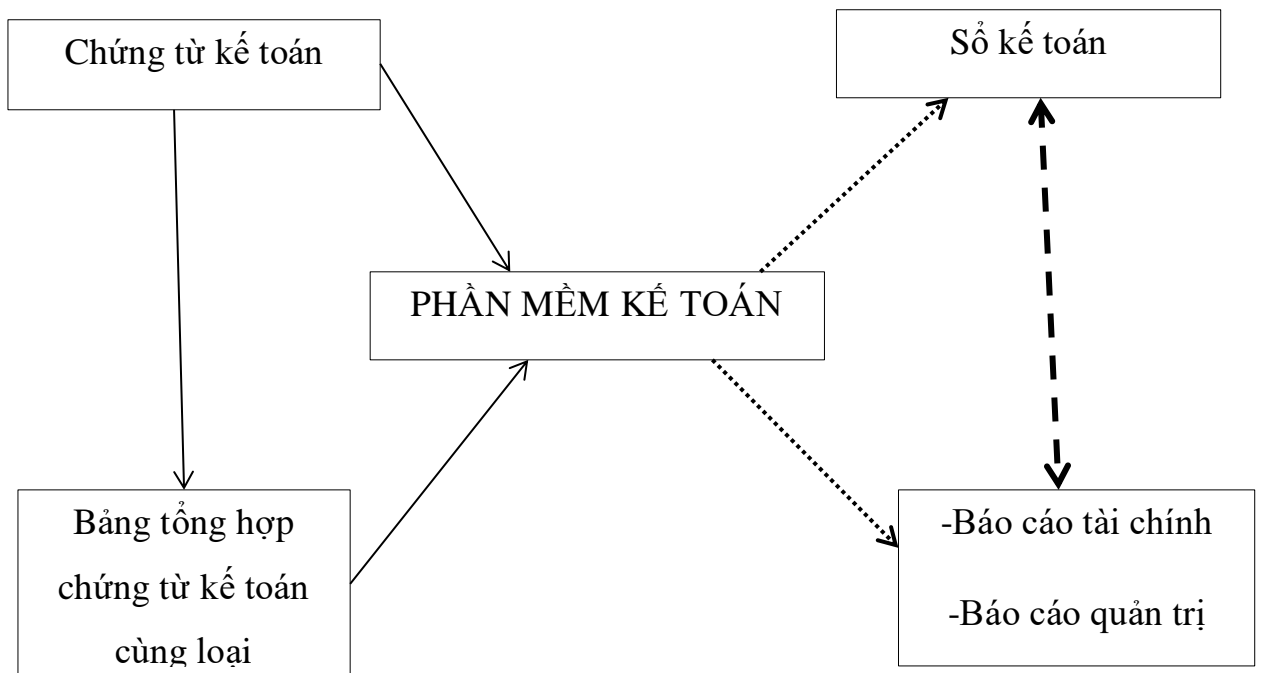
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <--- --- >



Hình thức kế toán máy

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————>
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:>
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <--- --- --->



CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG****2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty**

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG
- Tên giao dịch An Thịnh Cường petroleum joint stock company
- Địa chỉ : Số 10/75 Kiều Sơn, Phường Đằng Lâm, Quận Kiến An , Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Mã số thuế : 0201307305
- Vốn điều lệ : 2.000.000.000
- Số điện thoại : 0313795572
- Fax : 02258820898
- Người đại diện pháp lý : Ông Nguyễn Hùng Cường
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần
- Quy mô : Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Ngân hàng : VIETCOMBANK CN HẢI PHÒNG
-

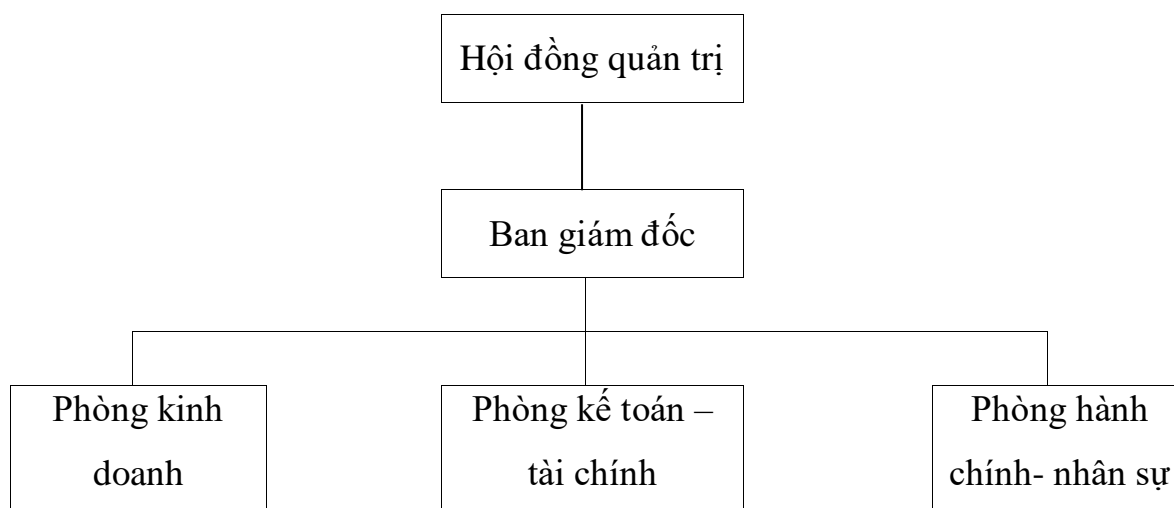
Công Ty Cổ Phần Dầu khí An Thịnh Cường thành lập ngày 16 tháng 8 năm 2013

Thời gian đầu khi mới thành lập công ty có quy mô hoạt động nhỏ , đội ngũ công nhân ít , cơ sở trang thiết bị còn thiếu thốn . Kể từ đó đến nay , với sự nỗ lực của ban giám đốc cùng đội ngũ nhân viên công ty đã , đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn . Sau 4 năm hoạt động công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận . Thị trường cạnh tranh khốc liệt trong và ngoài nước nhưng công ty đã dần khẳng định được vị thế của mình ở thị trường trong nước .

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty

Ngành nghề chính của công ty là chuyên xấp nhập khẩu, buôn bán, nghiên cứu thị trường, cung ứng xăng dầu các đơn vị khác.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

+Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý của công ty, nhân danh công ty để đưa ra các quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ thực hiện của công ty.

Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, lý hợp đồng. chấm dứt hợp đồng với giám đốc và người quản lý quan trọng khác do điều lệ công ty quy định; Giám sát, chỉ đạo giám đốc và người quản lý quan trọng;...

+Ban giám đốc công ty:

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

+Phòng kinh doanh : Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đáp ứng nhu cầu hoạt động của công ty, giải quyết và tập hợp các thủ tục cần thiết cho các nghiệp vụ mua hàng, bán hàng và tìm nguồn hàng cũng như các mối tiêu thụ hàng. Phối hợp với phòng kế toán để xác lập tình hình công nợ theo các hợp đồng kinh tế và việc thu nợ.

+Phòng Tài chính – Kế toán:

-Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

-Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

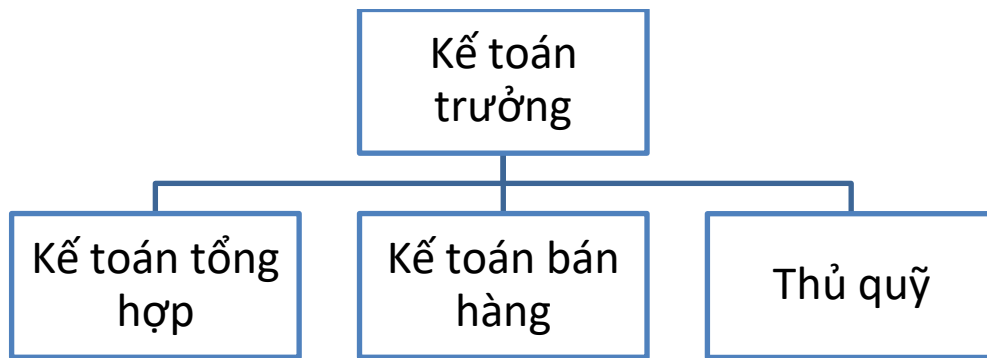
-Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

+Phòng Hành chính – Nhân sự: Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự , quan hệ lao động, phân công nhân sự.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Công ty áp dụng bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, là bộ phận quản lý quan trọng không thể tách rời của công ty. Toàn bộ hoạt động liên quan đến vấn đề kinh tế, thu thập, xử lý, kiểm tra phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của công ty, Đồng thời các số liệu kế toán phải được xử lý theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán:

+Kế toán trưởng: là người được bổ nhiệm đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp.

- Kiểm tra giám sát các nghiệp vụ thu chi, thanh toán nợ. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị.
- Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán. Phân tích thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị.
- Tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính đơn vị

+Kế toán tổng hợp: Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp, các định khoản nghiệp vụ phát sinh, sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp.

- Lập báo cáo tài chính theo năm và các báo cáo giải trình chi tiết.
- Cung cấp số liệu cho ban giám đốc hoặc các đơn vị chức năng khi có yêu cầu. Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định.

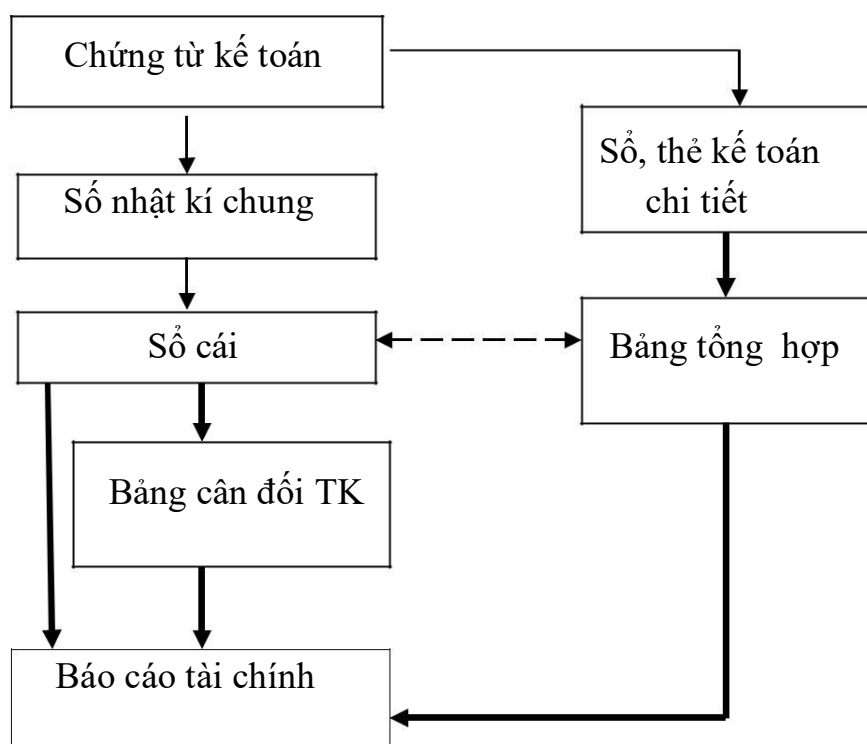
+Kế toán bán hàng: Ghi chép phản ánh kịp thời các thông tin giao nhận hàng hóa hàng ngày, kiểm tra số lượng, đơn giá của từng sản phẩm, đốc thúc công nợ và quản lý tiền hàng

- Quản lý hợp đồng giao dịch với khách hàng, cập nhật giá và sản phẩm mới
- Đối chiếu với thủ kho về số lượng xuất, tồn vào cuối ngày.

+**Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi do kế toán tiền mặt đưa sang để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ phần thu chi. Cuối tháng cùng kế toán trưởng kiểm kê tiền mặt tại kết.

2.1.5. Chế độ, phương pháp và hình thức kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC, ngày 26/08/2016 của BTC
- Kỳ kế toán: bắt đầu từ 01/01/N và kết thúc ngày 31/12/N dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Bình quân gia quyền cả kì
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



- Ghi chú: Ghi hàng ngày: →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

- Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu:

- + Sổ nhật ký chung;
- + Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký Chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần dầu khí An Thịnh Cường

2.2.1: Thực trạng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty CP dầu khí An Thịnh Cường.

2.2.1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP dầu khí An Thịnh Cường

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu tiền
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng:

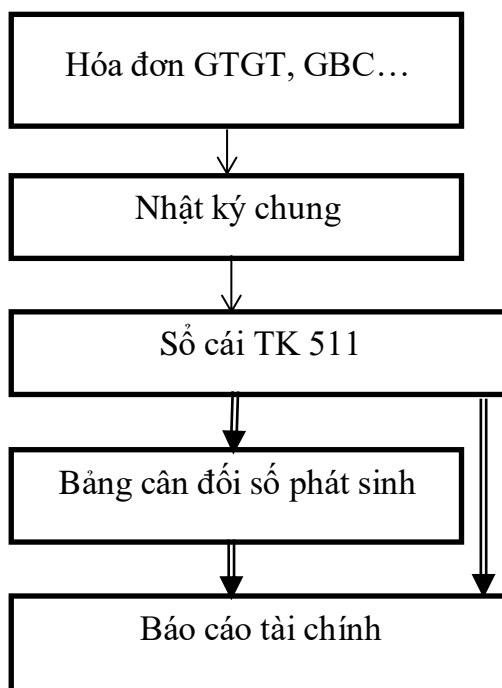
- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Ghi chú:

Ghi hằng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ \Longrightarrow

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 20/7/2017 công ty xuất bán dầu Diezel cho Công ty TNHH Tín Lan số tiền: 6.800.000 (cả thuế VAT 10%). Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào HĐ 0000086 (Biểu 01) và phiếu thu (Biểu 02) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 04) theo bút toán:

Nợ TK 111: 6.800.000

Có TK 511: 6.181.818

Có TK 3331: 618.182

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0000086

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/17P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000086			
<i>Ngày 20 tháng 7 năm 2017</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG					
Mã số Thuế	: 0201307305				
Địa chỉ	: Số 10/75 KIỀU Sơn , phường Đằng Lâm , quận Hải An, Hải Phòng				
Số tài khoản	: 0031000175604				
Điện thoại	: 0225.8820288				
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH Tín Lan					
Mã số thuế: 0200504452					
Địa chỉ : Khu dân cư Phú Hải, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP					
Hình thức thanh toán: TM		Số tài khoản: ...			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Dầu diesel	Lít	409	15.120	6.181.818
Cộng tiền hàng:					6.181.818
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		618.182	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.800.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 02: Phiếu thu 34/07

Công ty CP DK An Thịnh Cường

Mẫu số 01-TT

Địa chỉ: 10/75 KS, ĐL, HA,HP

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính)

PHIẾU THU

Số 34/07

Nợ:TK 1111: 6.800.000

Có:TK 511: 6.181.818

Có:TK 3331: 618.182

Ngày 20/7/2017

Họ và tên người nộp tiền: Công ty TNHH Tín Lan

Địa chỉ: Khu dân cư Phú Hải, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, HP

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 6.800.000

(Viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn .

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

Ví dụ 2: Ngày 21/7/2017 Công ty xuất bán dầu Diesel cho công ty TNHH Thương Mại XNK Khải Duy số tiền là 52.962.000(chưa VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào HĐ 0000090 (Biểu 03) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 04) theo bút toán:

Nợ TK 131: 58.258.200

Có TK 511: 52.962.000

Có TK 3331: 5.296.200

Biểu số 03: Hóa đơn GTGT số 0000090

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: AA/17P				
Liên 3: Nội bộ	Số: 0000090				
<i>Ngày 21 tháng 7 năm 2017</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG					
Mã số Thuế : 0201307305					
Địa chỉ : Số 10/75 kiêu sơn, phường Đằng Lâm , quận Hải An, Hải Phòng					
Số tài khoản : 0031000175604					
Điện thoại : 0313795572					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH Thương mại XNK Khải Duy					
Mã số thuế: 0201637328					
Địa chỉ : Số 18 đường 5 mới, thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, HP					
Hình thức thanh toán: CK	Số tài khoản: 100345247				
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Dầu diesel	lit	3.502	15.120	52.962.000
2					
Cộng tiền hàng:					52.962.000
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT:	5.296.200		
Tổng cộng tiền thanh toán:					58.258.200
<i>Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 04: Nhật kí chung

Đơn vị: Công ty cổ phần Dầu khí An Thịnh Cường

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: Số 10/75,ĐL,HA,HP

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....
HĐ0000086 PT 34/07	20/7	Xuất bán cho công ty TNHH Tín Lan	1111	6.800.000	
			511		6.181818
			3331		618.182
HĐ0000090	21/7	Xuất bán cho công ty Khải Duy	131	58.258.200	
			511		52.962.000
			3331		5.296.200
.....
		Cộng phát sinh		784.797.417.014	784.797.417.014

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 05: Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh
Cường

Địa chỉ: Số 10/75 ĐL,HA, HP

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu:511

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...		
20/7	HĐ0000086 PT 34/07	20/7	Xuất bán cho công ty TNHH Tín Lan	1111		6.800.000
21/7	HĐ0000090	21/7	Xuất bán cho công ty Khải Duy	131		58.258.200
....		
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	81.340.789.222	81.340.789.222
			Cộng số phát sinh		81.340.789.222	81.340.789.222
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 06: Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán)

Đơn vị: **CÔNG TY CP dầu khí An Thịnh Cường**
 Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm – Hải An -Hải Phòng

Mẫu số S13-DNN
 (Ban hành theo thông tư 133/TT-BTC
 ngày 26/08/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN

Tài khoản:131

Đối tượng: Công ty TNHH TM XNK Khải Duy

Đơn vị tính:

Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu năm				10.186.220.25 5	392.469.76 3
.....
21/07	HD0000090	21/07	Xuất bán cho công ty Khải Duy, chưa thanh toán	511	52.962.000			
				3331	5.296.200			

			Cộng phát sinh		91.084.860.76	93.096.235.395		
			Số dư cuối kỳ				9.3096.235.39 5	1.52.71.086

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.1.2: Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

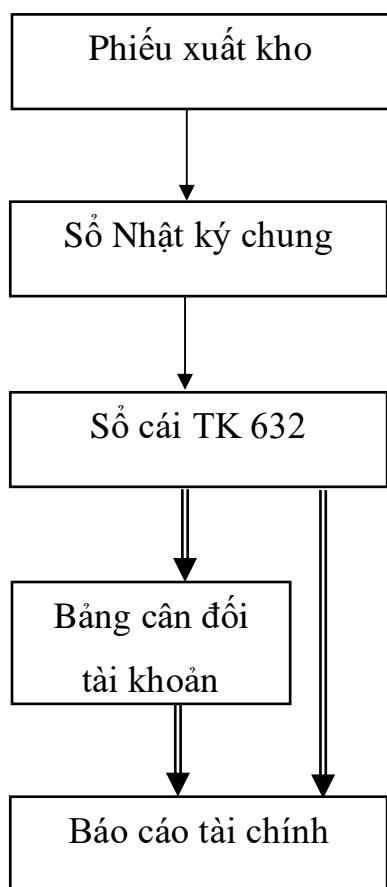
b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

c. Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

d. Phương pháp hạch toán:



Ghi chú: —> Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán tại công ty Cp dầu khí An Thịnh Cường

Ví dụ 3: Ngày 31/7 công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho:

Đơn giá xuất kho :Dầu diesel

-Đầu tháng 7 tồn 11.100lit đơn giá là 15.033đ/lit

- Trong tháng 7 nhập: 50.000 lit đơn giá 15.139đ/kg

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{(11.100 \times 15.033 + 50.000 \times 15.139)}{(11.100 + 50.000)} = 15.120 \text{ đ/kg}$$

=>Trị giá xuất của Dầu diesel là: $9.300 \times 15.120 = 140.618.063$

Định khoản: *Nợ 632: 140.618.063*

Có 156: 140.618.063

-Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 03/07 (**biểu số 8**), số 04/07(**biểu số 9**),... kế toán lập bảng kê phiếu xuất kho (**biểu số 10,11**). Cuối kỳ khi tính toán được định giá hàng xuất kho, kế toán sẽ tính được tổng trị giá hàng xuất kho theo mỗi mặt hàng trên các bảng kê hàng xuất bán(**biểu số 10.11**). Từ đó lập phiếu kế toán (biểu số 12) và cập nhập số liệu vào sổ nhật ký chung (**biểu số 13**) và sổ cái TK 632 (**biểu số 14**)

Biểu số 8: Phiếu xuất kho số 56/07

Công ty CP DK An Thịnh Cường

Mẫu số:02-VT

Số 10/75 Đằng Lâm –HA-HP

(Ban hàng theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 56/07

Ngày 31 tháng 7 năm 2017

Họ và tên người nhận hàng: Công ty TNHH Tín Lan

Công ty/Bộ phận: Bộ phận kiểm soát hàng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: kho công ty Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu diêzl	0000228	Lit	9300	9300	15.120	140.618.063
	Tổng cộng						

-Tổng số tiền (viết bằng chữ):

-Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 10: Bảng kê phiếu xuất kho

BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO

Tháng 7 năm 2017

Loại sản phẩm: dầu diesel

Phiếu xuất		Diễn giải	Dầu diesel(kg)
SH	NT		
PXK 56/07	20/07	Xuất bán cho CT Tín Lan	9.300
.....
Cộng lượng			52.300
Đơn giá xuất			15.120
Thành tiền			790.776.000

Biểu số 12: Phiếu kế toán

**Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh
Cường**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 07

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/7	Giá vốn Tháng 7	632	156	4.744.656.000
			Cộng			

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 13: Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: Số 75/10 Đằng Lâm ,Hải An ,HP

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....
HĐ0000086 PT34/07	20/07	Xuất bán cho công ty TNHH Tín Lan	1111	140.618.063	
			511		127.834.602
			3331		12.783.460
PKT 07	31/7	Giá vốn T7	632	4.744.656.000	
			156		4.744,656.000
.....
		Cộng phát sinh		784.797.417.014	784.797.417.014

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 14: Sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh
Cường

Địa chỉ: Số 10/75 ĐL,HA ,HP

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu:632

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...		
31/07	PKT 07	31/07	Giá vốn T7	156	4.744.656.000	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		80.750.338.444
			Cộng số phát sinh		80.750.338.444	80.750.338.444
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương

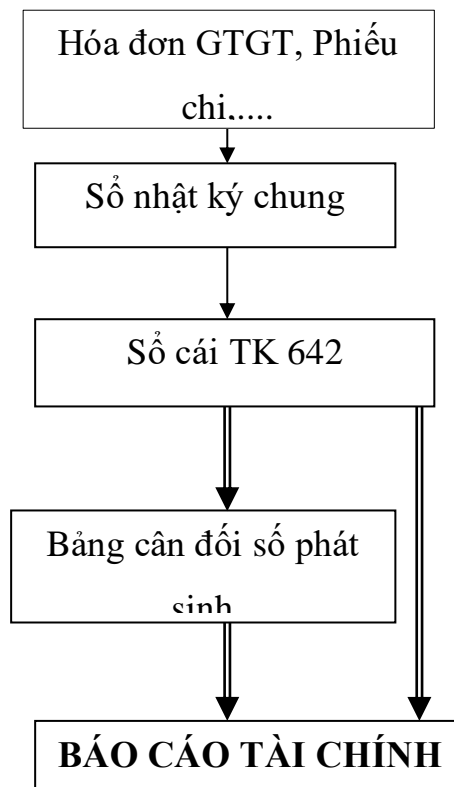
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

c. Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

d. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP dầu khí An Thịnh Cường

Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng

Ví dụ 04: Ngày 07/07/2017 Thanh toán tiền điện thoại phục vụ cho bộ phận bán hàng trả ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn số 0006945 (Biểu 15) và phiếu chi (Biểu 16) kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 19):

Nợ TK 6421: 184.916

Nợ TK 133 : 18.492

Có TK 1111: 203.408

Biểu số 15: Hóa đơn GTGT số 0006945

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Mẫu số: 01GTKT0/001
Ký hiệu(Serial No): AB/17E
Số(No): 0006945

Viễn thông thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0106869738-056

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng

Tên KH: Công ty Cp dầu khí An Thịnh Cường

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm ,Hải an ,HP

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST0201004290

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	CUOC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG TP.HN TRA CUOC THANG 7/2017			0	184.916
<i>Cộng tiền dịch vụ(1)</i>					184.916
<i>Thuế suất GTGT 10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT (2)</i>		18.492
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (1+2)</i>					203.408

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm linh ba nghìn bốn trăm linh tám đồng.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017

Người nộp tiền ký

(Ký, họ tên)

Nhân viên giao dịch

(Ký, họ tên)

Biểu số 16: Phiếu chi 18/07

Đơn vị: Công ty Cp dầu khí
An Thịnh Cường

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm
,Hải An,HP

PHIẾU CHI

Số: 18/07

Ngày 07 tháng 07 năm 2017

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016 TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền

Địa chỉ: Công ty Viễn thông VNPT

Lý do chi: Trả tiền hóa đơn số 0006945

Số tiền: 203.408 đồng

(Viết bằng chữ): Hai trăm linh ba nghìn bốn trăm linh tám đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 07 năm 2017

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
------------------------------------	------------------------------------	-------------------------	-----------------------------------	--------------------------

Ví dụ 05: Ngày 13/07/2017 Mua máy đếm tiền thanh toán bằng tiền mặt số tiền 2.240.000 (Chưa thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn 0000112 (Biểu 17) và phiếu chi (Biểu 18) kế toán định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 19):

Nợ TK 6422: 2.240.000

Nợ TK 133 : 224.000

Có TK 1111: 2.464.000

Biểu số 17: Hóa đơn GTGT 0000112

Mẫu số: 01GTKT3/011					
HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao cho khách hàng				Ký hiệu: AA/17P	
Ngày...13 tháng...07 năm 2017.				Số: 0000112	
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Tân Hưng					
Mã số thuế: 0201008713					
Địa chỉ: Số 236 Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, quận LC,HP					
Số tài khoản.....					
Điện thoại: 0919912628					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường					
Mã số thuế: 0201004290					
Địa chỉ: : Số 75/10 Đằng Lâm , Hải An ,HP					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt				Số tài khoản.....	
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Máy đếm tiền	cái	1	2.240.000	2.240.000
Cộng tiền hàng:					2.240.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		224.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.464.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm sáu tư nghìn đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 18: Phiếu chi số 23/07

Đơn vị: Công ty Cp đầu khí
An Thịnh Cường

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm
Hải An,HP

PHIẾU CHI

Số: 23/07

Ngày 13 tháng 07 năm 2017

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016 TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch vụ Tân Hưng

Lý do chi: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 2.464.000 đồng

(Viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm sáu tư nghìn đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 13 tháng 07 năm 2017

Người lập
phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận
tiền
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Kế toán
trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 19: Nhật kí chung:

Đơn vị: Công tyCPDK An Thịnh Cường
Địa chỉ: Số 5/355 Tô Hiệu, TNH, LC, HP

Mẫu số S03a-DNN
 Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/08/2016 của BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

07/07	PC18	07/07	Trả tiền điện thoại	6421	184.916	
				133	18.492	
				1111		203.408
					
13/07	PC23	13/07	Mua văn phòng phẩm	6422	2.240.000	
				133	224.000	
				1111		2.464.000
					
31/07	PC30	31/07	Thuê kho, bến bãi	642	13.636.364	
				133	1.363.636	
				111		15.000.000
					
			Cộng phát sinh		784.797.417.014	784.797.417.014

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 20: Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty CP DK An Thịnh Cường

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm,KA,HP

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu:642

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
07/07	PC 18/07	07/07	Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt	1111	184.916	
					
13/07	PC 23/07	13/07	Mua máy đếm tiền	1111	2.240.000	
...		
31/07	PC30/7	31/07	Thuê kho , bến bãi	111	13.636.364	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển CPQLKD	911		520.707.280
					
			Cộng số phát sinh		520.707.280	520.707.280
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí hoạt động tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng do các khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

a. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

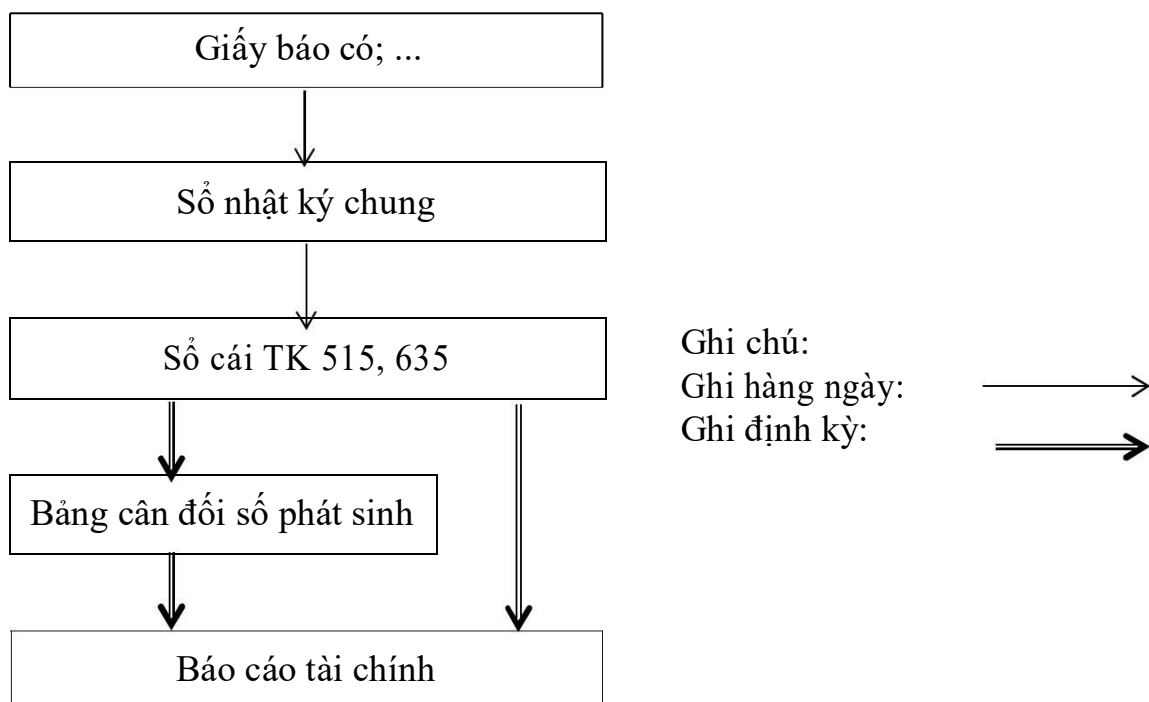
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515, 635

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

Ví dụ 06: Ngày 25/07/2017 nhận được lãi tiền gửi ngân hàng tháng 7 năm 2017 số tiền là 167.469

Căn cứ vào giấy báo có(biểu số 21) kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật kí chung(biểu số 23)

Nợ TK 112: 167.469

Có TK 515: 167.469

Biểu số 21: Giấy báo có



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/07/2017

Mã GDV: NTH

SỐ GD: 00206

Giờ:10:26:21

CN Hải Phòng

Kính gửi : CÔNG TY CP dầu khí An Thịnh Cường

Mã số thuế : 0201004290

Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tiền bằng số: 167.469

Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu bảy nghìn bốn trăm sáu chín đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Ví dụ 07: 25/09/2017 Trả lãi tiền vay ngân hàng Á Châu tháng 7 năm 2017.

Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu 22) kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung(Biểu 23)

Nợ TK 635: 2.150.000

Có TK 112: 2.150.000

Biểu số 22: Giấy báo nợ



GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25/07/2017

Mã GDV: NTH

SỐ GD: 00206

Giờ:10:26:21

CN Hải Phòng

Kính gửi : CÔNG TY CP dầu khí An Thịnh Cường

Mã số thuế : 0201004290

Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi NỢ khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 100646890

Số tiền bằng số: 2.150.000

Số tiền bằng chữ: Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng.

Nội dung: Trả lãi tiền vay

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 23: Nhật ký chung

(Mẫu số S03a-DNN

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm hải an , HP ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

25/7	GBC	25/7	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng tháng 7	112	167.469	
				515		167.469
25/7	GBN	25/7	Trả lãi tiền vay ngân hàng tháng 7	635	2.150.000	
				112		2.150.000
					
			Cộng phát sinh		784.797.417.014	784.797.417.014

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 24: Sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 10/75 ĐL,HA,HP

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
25/7	GBC	25/7	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng tháng 7	112		167.469
					
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	911	5.791.329	
...		
			Cộng số phát sinh		5.791.329	5.791.329
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 25: Sổ cái TK 635

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh
Cường

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm ,Hải An ,HP

Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2017

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK Đ/Ư	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...		
25/7	GBN	25/7	Trả lãi tiền vay tháng 7	112	2.150.000	
					
31/12	PKT 34	31/12	Kết chuyển CPHĐTC	911		8.554.397
...		
			Cộng số phát sinh		8.554.397	8.554.397
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí khác tại công ty Cổ phần dầu khí An thịnh Cường.

a. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có;...
- Các chứng từ khác có liên quan

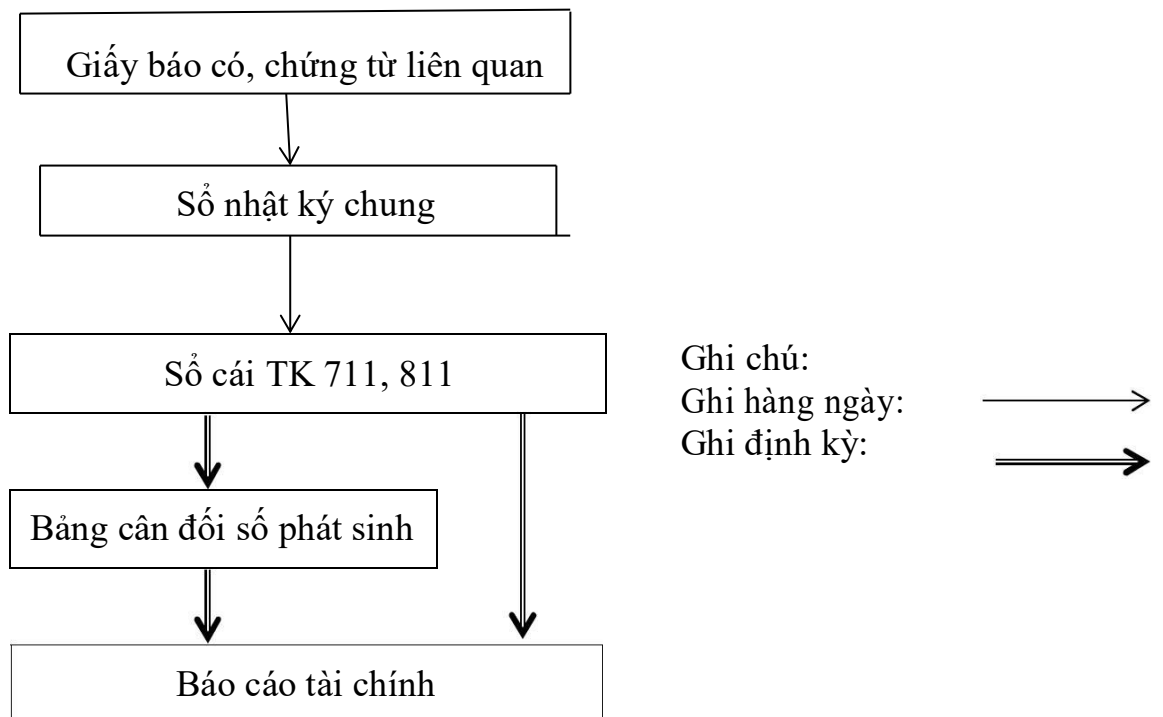
b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác
- Tài khoản 811 – Chi phí khác

c. Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711. 811

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí khác tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

2.2.5: Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

Cuối kỳ kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

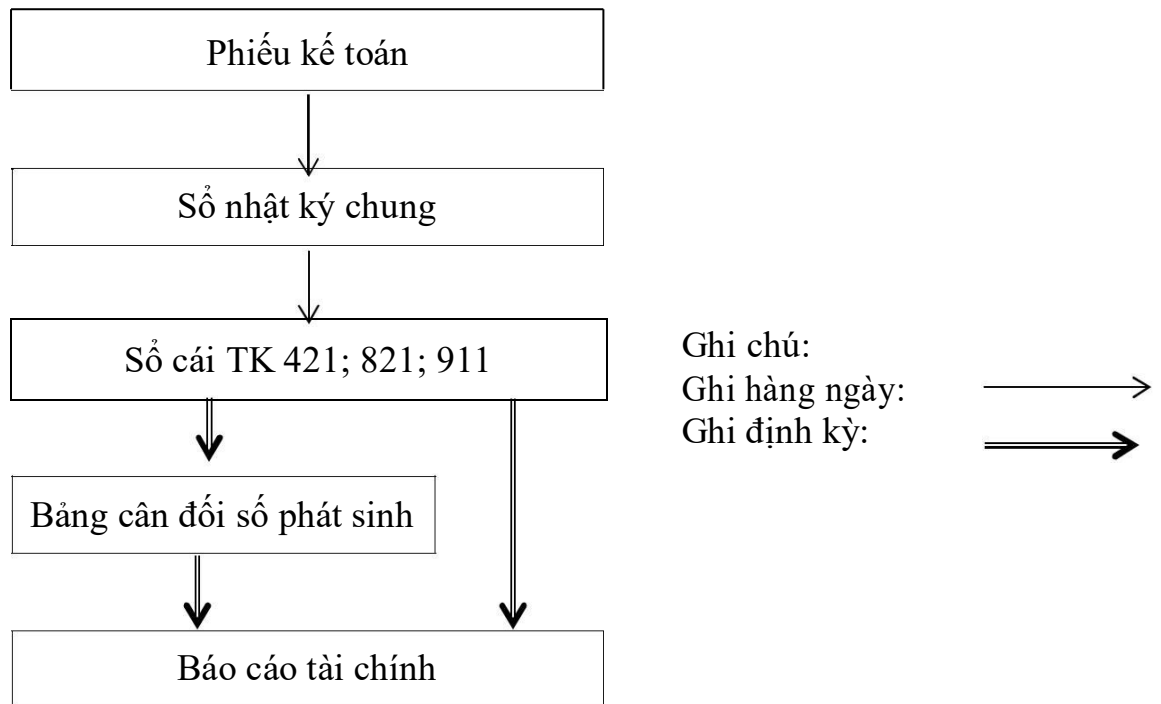
b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

c. Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 421; 821; 911

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường

Ví dụ 08: Ngày 31/12/2017 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán (Biểu 26, 27, 28, 29, 30).
 Từ phiếu kế toán kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 31)

Biểu số 26: Phiếu kế toán số 31

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 Độc lập – tự do – hạnh phúc
 -----***-----**

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	81.340.789.222
		31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	5.791.329
			Cộng			81.346.580.551

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 27: Phiếu kế toán số 32

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

**PHIẾU KẾ TOÁN
Số 32**

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	80.750.338.444
		31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	8.554.397
		31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	520.707.280
			Cộng			81.279.600.121

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 28: Phiếu kế toán số 33

Đơn vị: Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----***-----

**PHIẾU KẾ TOÁN
Số 33**

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Thuế TNDN	821	3334	11.896.996
			Cộng			11.896.996

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 29 Phiếu kế toán số 34

Đơn vi: Công ty CP dầu khí An Thịnh

Cường

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 34

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	821	11.896.996
			Cộng			11.896.996

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 30: Phiếu kế toán số 35

Đơn vi: Công ty CP dầu khí An Thịnh

Cường

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35

STT	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
	SH	NT		Nợ	Có	
		31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	55.083.434
			Cộng			55.083.434

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 31: Nhật ký chung

Công ty CP DK An Thịnh Cường

Số 10/75 Đằng Lâm, Hải An, HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....		
PKT31	31/12	Kết chuyển DTBH	511	81.340.789.222	
			911		81.340.789.222
PKT31	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	5.791.329	
			911		5.791.329
PKT32	31/12	Kết chuyển GVBH	911	80.750.338.444	
			632		80.750.338.444
PKT32	31/12	Kết chuyển CPTC	911	8.554.397	
			635		8.554.397
PKT32	31/12	Kết chuyển CP QLKD	911	520.707.280	
			642		520.707.280
PKT33	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	821	11.896.996	
			3334		11.896.996
PKT34	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	11.896.996	
			821		11.896.996
PKT35	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	55.083.434	
			421		55.083.434
Cộng phát sinh				784.797.417.014	784.797.417.014

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 32: Sổ cái TK 911

Công ty CP dầu khí ATC
Số 10/71 Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT31	31/12	Kết chuyển DTBH	511		81.340.789.222
PKT31	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		5.791.329
PKT32	31/12	Kết chuyển GVHB	632	81.750.338.444	
PKT32	31/12	Kết chuyển CPTC	635	8.554.397	
PKT32	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	520.707.280	
PKT34	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	11.896.996	
PKT35	31/12	Kết chuyển Ln sau thuế	421	55.083.434	
		Cộng số phát sinh		81.361.240.615	81.361.240.615
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 33: Sổ cái Tk821

Đơn vị: Công ty CP dầu khí ATC
 Địa chỉ: Số 75/10 Đằng Lâm, Hải An HP

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu năm</u>			
PKT36	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	11.896.996	
PKT37	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		11.896.996
		Cộng số phát sinh năm		11.896.996	11.896.996
		<u>Số dư cuối năm</u>			

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày...31..tháng...12..năm ..2017.....

Kế toán ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 34: Sổ cái TK 421

Đơn vị: Công ty CP dầu khí ATC

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm, Hải An
HP

Mẫu số S03b- DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-Btc
Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI

Năm 2017

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			<u>20.102.435</u>
PKT38	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		55.083.434
		Cộng số phát sinh năm			55.083.434
		Số dư cuối năm			<u>75.185.869</u>

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ..

.Ngày...31..tháng...12..năm ..2017.....

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 35: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty CP dầu khí ATC

Mẫu số : B02-DN

Địa chỉ: Số 10/75 Đằng Lâm, HA, HP

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Mã số thuế: 0201004290

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng VN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	81.340.789.222	65.519.074.612
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		81.340.789.222	65.519.074.612
4. Giá vốn hàng bán	11		80.750.338.444	65.140.506.117
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		590.450.778	378.568.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.791.329	2.614.625
7. Chi phí tài chính	22		8.554.397	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.554.397	
8. Chi phí quản lí kinh doanh	24		520.707.280	342.379.765
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		66.980.430	38.803.355
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		66.980.430	38.803.335
14. Chi phí thuế TNDN	51		11.896.996	5.765.433
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		55.083.434	33.037.902

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG****3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN THỊNH CƯỜNG****3.1.1 Ưu điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường.**

Công ty CP dầu khí AN THỊNH CƯỜNG trong lĩnh vực kinh doanh đồng thời đảm bảo đầy đủ công việc cho người lao động và thu nhập của cán bộ công nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước luôn đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của Công ty trên toàn quốc.

- **Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:** cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có sự nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Công ty luôn hạn chế xảy ra các sai phạm trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê.
- **Chứng từ kế toán:** Các chứng từ sử dụng trong hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy tránh sự chồng chéo và đảm bảo nguyên tắc phân công nhiệm vụ rõ ràng.
- **Sổ sách kế toán:** các sổ sách kế toán được ghi chép rõ ràng, đúng chế độ, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.
- **Về tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh
- Về tổ chức kế toán chi phí : Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.
- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Nhược điểm trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dầu khí An Thịnh Cường.

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH CP dầu khí An Thịnh Cường cũng vẫn tồn tại nhiều điểm hạn chế.

- **Về sổ sách kế toán sử dụng:** Công ty chưa hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và xác định kết quả kinh doanh theo từng loại mặt hàng. Công ty vẫn hạch toán doanh thu, chi phí chung cho tất cả các mặt hàng, điều này sẽ khiến cho việc theo dõi các thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của từng mặt hàng trở nên khó khăn hơn, công tác quản lý kinh doanh mất nhiều thời gian hơn, không hiệu quả.
- **Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:** Trong quá trình tiêu thụ công ty không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.
- **Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:** Công tác kế toán tại công ty vẫn dựa vào lối hạch toán thủ công truyền thống. Tuy đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán nhưng mới chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Microsoft Office (Word, Excel,..) nên khối lượng công việc của các kế toán viên còn khá

lớn, chưa giảm bớt được áp lực về thời gian, tính chính xác trong khâu lập sổ sách cũng như các báo cáo tài chính.

3.2: MỘT SỐ GIẢI PHÁP

3.2.1: Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

-*Chiết khấu thanh toán* là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.

-*Lý do*: Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để kích thích khách hàng trả nợ sớm. Tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn trong thời gian dài.

-*Cách thức tiến hành*: Chiết khấu thanh toán là tính trên số tiền thanh toán (bao gồm cả thuế GTGT). Không được ghi khoản chiết khấu thanh toán trên hóa đơn bán hàng để giảm giá. Đây là một khoản chi phí tài chính doanh nghiệp bán chấp nhận chi cho người mua. Người bán lập phiếu chi để trả khoản chiết khấu thanh toán. Người mua lập phiếu thu để nhận khoản chiết khấu thanh toán được hưởng.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách hiệu quả công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu cho khách hàng dựa trên:

+ Tỷ lệ lãi vay ngân hàng.

+ Thời gian thanh toán tiền hàng.

+ Tham khảo mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại.

Dựa theo mức lãi suất ngân hàng hiện hành em đề suất mức chiết khấu trung bình là 9%/ năm --> mức chiết khấu 1 tháng là 0,75%/ tháng.

-*Phương pháp hạch toán*:

+ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: (Nếu trừ luôn vào khoản phải thu)

Có TK 111, 112: (Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)

+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

❖ **Ví dụ minh họa**

Ví dụ 09: Theo ví dụ 3 đối tượng là công ty TNHH thương mại TÍN LAN. Hóa đơn GTGT0000090 Ngày 21/07/2017 công ty bán cho Tín Lan với tổng số tiền thanh toán là 140.618.063đ (bao gồm cả VAT 10%). Theo hợp đồng bán hàng này công ty TNHH TM Tín Lan có thời hạn thanh toán là 40 ngày kể từ ngày công ty giao hàng. Ngày 25/07/2017 công ty TNHH TM XNK Tín Lan chuyển khoản 140.618.063đ thanh toán tiền hàng hóa đơn GTGT0000090

Như vậy công ty TNHH TM XNK Tín Lan thanh toán trước thời hạn 30 ngày cho nên được hưởng chiết khấu thanh toán là 0,75%

$$\left(\frac{140.618.063 \times 0,75\%}{30} \times 35 \right)$$

= 1.230.408

Kế toán định khoản: Nợ TK 635: 1.230.408

Có TK 112: 1.230.408

3.2.2: Giải pháp 2: Thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi

❖ *Lý do:* Để đề phòng hạn chế tổn thất về các khoản nợ phải thu khó đòi có thể xảy ra đồng thời đảm bảo giữa việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kỳ thì cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí quản lý kinh doanh của năm báo cáo.

❖ *Điều kiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

-Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác có liên quan.

-Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán(Tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được.

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế(các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Dự phòng phải thu} & & \text{Nợ phải thu} & & \text{Số \% có} \\ & & & & \text{khả năng mất} \\ \text{khó đòi cần lập} & = & \text{khó đòi} & \times & \end{array}$$

❖ *Mức trích lập(theo Thông tư 228/2009/TT-BTC):*

+ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

-30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

-50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

-70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

-100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

+ Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản hoặc đã và đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Ví dụ 10: Dựa vào bảng theo dõi công nợ phải thu (Biểu 38)

Ngày 11/04/2017 anh Trần Văn có mua hàng của công ty chưa thanh toán số tiền 13.523.000đ thời hạn nợ tối đa 30 ngày. Doanh nghiệp đã nhiều lần đòi nợ nhưng khách hàng chưa có khả năng thanh toán. Đến 31/12/2017 khoản nợ đã quá hạn thanh toán hơn 7 tháng nên công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản nợ này.

Số dự phòng cần trích lập: $13.523.000 \times 30\% = 4.056.900$ (đồng)

Kế toán định khoản: Nợ TK 642 : 4.056.900

Có TK 2293 : 4.056.900

Biểu số 36: Bảng theo dõi công nợ phải thu

Công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường
Số 10/74 Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

BẢNG THEO DÕI CÔNG NỢ PHẢI THU
Năm 2017

Mã KH	Tên khách hàng	Thời điểm phát sinh khoản nợ	Hạn thanh toán	Tuổi nợ	Số tiền phải thu	Số tiền đã thu	Số tiền còn phải thu
....
TH	Thiên Hương	21/03/2017	06/05/2017	7 tháng 26 ngày	131.459.700	100.000.000	31.459.700
KH-02	Trần Văn	11/04/2017	11/05/2017	7 tháng 21 ngày	13.523.000	0	13.523.000
....
	Tổng cộng				16.863.816.396	14.107.004.456	2.756.811.940

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3 Giải pháp 3: Áp dụng phần mềm kế toán.

- *Lý do:* Công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường có sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách nhưng vẫn là phần mềm Word, Excel. Đó không phải là phần mềm kế toán chuyên dụng vậy nên việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện các phần hành kế toán vẫn tốn nhiều thời gian và nhân lực.

- *Mục tiêu:* Lưu trữ tài liệu một cách hệ thống; Tiết kiệm thời gian và nhân lực trong công việc tổng hợp, đối chiếu, lập báo cáo; Kiểm soát, xử lý, cung cấp thông tin kế toán một cách nhanh chóng, chính xác.

- *Cách thức tiến hành:* Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, CYBER, ACOUTING, ADSOFT ... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp và uy tín để hỗ trợ cho công tác kế toán có hiệu quả cao nhất. Công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán sau: MISA, Fast Accounting, CeAC...

Phần mềm kế toán MISA: <http://www.misa.com.vn>

Đây là loại phần mềm quản lý kế toán thông dụng được nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng bởi nó hỗ trợ nhiều phân hệ mới, giao diện dễ sử dụng cho phép nhà quản lý tùy chỉnh một cách dễ dàng. Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



Phần mềm kế toán Fast Accounting: <http://fast.com.vn>

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Luôn cập nhập các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế. Đây là phần mềm kế toán có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả. Để biết thêm thông tin về phần mềm kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh có vị trí và vai trò rất quan trọng trong quá trình kinh doanh tiêu thụ và công tác quản lý của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Bài khóa luận đã nêu những vấn đề cơ bản sau:

1. Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.
2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường. Đồng thời sử dụng số liệu của năm 2017 để mô tả các ví dụ cụ thể.
3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường: áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán; trích lập dự phòng nợ thu khó đòi; áp dụng phần mềm kế toán.

Mặc dù có sự nỗ lực của bản thân, sự tận tình giúp đỡ của các chị phòng kế toán công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường, sự hướng dẫn của cô Nga nhưng do thời gian có hạn, những hạn chế về mặt kiến thức của bản thân nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Kính mong các Thầy, các Cô nhận xét và chỉ bảo để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô Đồng Thị Nga và toàn thể nhân viên phòng kế toán tại công ty cổ phần dầu khí An Thịnh Cường đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Sinh viên

Vũ Thị Ngọc Thanh